ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG** Số: 07/2014/QĐ-UBND	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Cao Bằng, ngày 29 tháng 4 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 10/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 của liên Bộ Tài chính, Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Bộ Giao thông vận tải về quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 630/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 4 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký, thay thế Quyết định số 368/QĐ-UB của UBND tỉnh Cao Bằng ngày 05 tháng 02 năm 2004 về việc ban hành quy định tạm thời về quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Uỷ ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản – Bộ Tư pháp;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP: CVP, các PCVP, các CV;
- Lưu: VT, GT (H.02b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định nội dung công tác quản lý, bảo trì đường bộ; áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức về quản lý, bảo trì đường bộ và trách nhiệm về quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng .

2. Quy chế này không áp dụng đối với đường quốc lộ, đường cao tốc, đường chuyên dùng và đường nội bộ xí nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Đường tỉnh* là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. *Đường huyện* là đường nối từ trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

3. *Đường giao thông nông thôn* gồm:

a. Đường xã, liên xã là các đường nối trung tâm hành chính của xã với quốc lộ, đường tỉnh, các thôn, bản hoặc đường nối giữa các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

b. Đường liên thôn là đường trục chính nối các thôn, các điểm dân cư phục vụ cho nhân dân ở thôn, các thôn lân cận đi lại thường xuyên.

c. Đường liên xóm (đường nhánh rẽ) là đường nối giữa các hộ gia đình (đường chung của liên gia) trong cùng điểm dân cư nối với mạng lưới giao thông chung (đường thôn, đường xã, đường huyện, tỉnh lộ, quốc lộ).

4. *Cơ quan quản lý đường bộ* là Sở Giao thông vận tải, Uỷ ban nhân dân (UBND) cấp huyện, UBND cấp xã.

5. Bảo trì công trình là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác, sử dụng.

6. *Quy trình bảo trì công trình đường bộ* là quy định về trình tự, nội dung và chỉ dẫn thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

7. *Đơn giá sản phẩm dịch vụ công ích trong quản lý bảo dưỡng thường xuyên đường bộ:* Là giá trị của từng hạng mục công việc trong công tác bảo dưỡng thường xuyên đường bộ được lập theo định mức kinh tế kỹ thuật và quy định của nhà nước.

8. *Giá sản phẩm dịch vụ công ích trong quản lý bảo trì đường bộ:* Là dự toán công tác bảo trì đường bộ được lập theo quy định của nhà nước (hiện nay đang theo thông tư 75/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2011) trên cơ sở nguồn vốn được giao, định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành và hư hỏng thực tế của từng tuyến đường cần quản lý, bảo trì.

9. *Chủ đầu tư:* Là các cơ quan được UBND tỉnh giao nhiệm vụ tổ chức quản lý, bảo trì công trình giao thông đường bộ, sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước, quỹ bảo trì đường bộ gồm: Sở Giao thông vận tải, UBND các huyện, thành phố, UBND các xã.

10. *Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ* là các tổ chức, cá nhân được Chủ đầu tư giao nhiệm vụ hoặc ký hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì và khai thác công trình, đường bộ. Nhà thầu bảo trì công trình đường bộ bao gồm: nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

Chương II
NỘI DUNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

Điều 4. Quản lý, sử dụng bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì công trình đường bộ

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ:

a) Lưu giữ bản gốc bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì và hồ sơ tài liệu khác sau khi nhận của chủ đầu tư dự án xây dựng theo quy định tại Điều 11 của Thông tư 52/2013/TT-BGTVT;

b) Sao chụp bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì và các hồ sơ tài liệu khác để bàn giao cho nhà thầu bảo trì công trình đường bộ;

c) Chỉ đạo nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình thực hiện các quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trách nhiệm của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình: lưu trữ, sử dụng bản vẽ hoàn công, quy trình bảo trì công trình, quy trình khai thác (nếu có) và các tài liệu được giao để quản lý, khai thác và bảo trì công trình.

Điều 5. Lập, quản lý, sử dụng hồ sơ trong giai đoạn bảo trì công trình đường bộ

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ:

a) Chỉ đạo, kiểm tra các nhà thầu trong giai đoạn bảo trì thực hiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Lưu trữ, sử dụng hồ sơ tài liệu trong giai đoạn bảo trì theo quy định của Thông tư 52/2013/TT-BGTVT.

2. Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình có trách nhiệm, lập, quản lý và sử dụng các hồ sơ tài liệu sau:

a) Hồ sơ lý lịch cầu, hầm, hồ sơ đăng ký đường bộ; cập nhật, bổ sung tình trạng thay đổi công trình cầu, hầm, đường bộ;

b) Lập hồ sơ quản lý (bình đồ duỗi thẳng) hành lang an toàn đường bộ; định kỳ 3 tháng một lần cập nhật, bổ sung các phát sinh về tình hình vi phạm, giải tỏa, tháo dỡ công trình vi phạm hành lang an toàn đường bộ và đất của đường bộ; lập hồ sơ quản lý vị trí đấu nối và các công trình thiết yếu trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ;

c) Ghi nhật ký tuần đường (đối với đường và cầu, cống);

d) Lập báo cáo tình hình quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

đ) Lập, quản lý và sử dụng các hồ sơ tài liệu khác theo quy định của tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì và quy trình bảo trì được duyệt.

3. Trách nhiệm của các nhà thầu khác:

a) Nhà thầu khảo sát thiết kế, nhà thầu thi công sửa chữa công trình có trách nhiệm lập hồ sơ khảo sát, thiết kế, bản vẽ hoàn công và thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật đối với dự án xây dựng công trình đường bộ;

b) Nhà thầu kiểm định, kiểm tra, quan trắc công trình lập báo cáo kết quả thực hiện theo đề cương được duyệt; thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật đối với dự án đầu tư xây dựng công trình,

Điều 6. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ công trình đường bộ

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ:

a) Tổ chức tuần kiểm đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

b) Thực hiện các quy định về quản lý, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định tại Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 và quy định của pháp luật có liên quan; thực hiện công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão theo quy định của Bộ Giao thông vận tải và các quy định của Thông tư 52/2013/TT-BGTVT;

c) Thực hiện các nội dung về quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì và quy trình bảo trì công trình đường bộ;

d) Tổ chức lập, trình kế hoạch bảo trì theo quy định của pháp luật; tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật hoặc dự án sửa chữa công trình đường bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức đấu thầu, đặt hàng, giao kế hoạch bảo trì và ký kết hợp đồng giao nhà thầu thực hiện bảo trì công trình;

đ) Kiểm tra, giám sát nhà thầu bảo trì công trình đường bộ thực hiện các quy định của hợp đồng.

2. Trách nhiệm của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình:

a) Tổ chức tuần tra, kiểm tra và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

b) Thực hiện các nội dung khác về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 và quy định của Bộ Giao thông vận tải; thực hiện phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão theo quy định của pháp luật và quy định của Thông tư 52/2013/TT-BGTVT;

c) Thực hiện các nội dung về quản lý, bảo trì công trình đường bộ theo quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì, quy trình bảo trì công trình đường bộ và hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ.

Điều 7. Theo dõi, cập nhật tình trạng hư hỏng, xuống cấp công trình đường bộ

1. Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ:

a) Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất và đánh giá tình trạng hư hỏng, xuống cấp của công trình;

b) Kiểm tra, giám sát đôn đốc nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình thực hiện các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Cập nhật, tổng hợp tình hình hư hỏng các công trình thuộc phạm vi quản lý để xây dựng kế hoạch bảo trì, báo cáo cấp có thẩm quyền và tổ chức sửa chữa, khắc phục hư hỏng để đảm bảo giao thông đường bộ an toàn, thông suốt.

2. Trách nhiệm của nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình:

a) Theo dõi thường xuyên và cập nhật tình trạng chất lượng các công trình được giao quản lý, kịp thời phát hiện các hiện tượng hư hỏng, xuống cấp của công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình;

b) Lập báo cáo định kỳ hàng quý về tình hình chất lượng công trình đường bộ được giao quản lý, bảo dưỡng; báo cáo đột xuất khi xuất hiện hư hỏng ảnh hưởng đến an toàn giao thông, an toàn công trình;

c) Thực hiện các công việc khác theo quy định của quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì và quy trình bảo trì công trình đường bộ.

Điều 8. Tổ chức giao thông, trực đảm bảo giao thông, đếm xe và xử lý khi có tai nạn giao thông, xử lý khi có sự cố công trình đường bộ

1. Tổ chức giao thông:

a) Trách nhiệm của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan có liên quan khác trong công tác tổ chức giao thông, nội dung công tác tổ chức giao thông thực hiện theo quy định tại Điều 37 Luật Giao thông đường bộ;

b) Chủ đầu tư và nhà thầu thi công xây dựng, nhà thầu thi công sửa chữa trên đường bộ đang khai thác có trách nhiệm thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông theo quy định của Luật Giao thông đường bộ, Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 và quy định của Bộ Giao thông vận tải;

c) Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ có trách nhiệm thực hiện các công việc về tổ chức giao thông theo quy định của hợp đồng quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ.

2. Trực đảm bảo giao thông:

a) Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ trong việc trực đảm bảo giao thông và thực hiện biện pháp đảm bảo giao thông khi có ùn tắc giao thông, sự cố công trình;

b) Chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng trên đường bộ đang khai thác, nhà thầu thi công sửa chữa công trình đường bộ có trách nhiệm trực đảm bảo giao thông và thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông đối với các đoạn đường đang thi công trong các trường hợp: mặt đường bị thắt hẹp, các đoạn đường phải sử dụng đường tránh, cầu tạm, đường tràn và ngầm trên bộ; các vị trí nguy hiểm và ùn tắc giao thông; thực hiện các quy định về vệ sinh môi trường;

c) Các tổ chức, cá nhân liên quan thực hiện việc trực đảm bảo giao thông, trực phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

3. Đếm xe:

a) Cơ quan quản lý đường bộ chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện theo quy định tại điểm b khoản này của nhà thầu; tổng hợp, lưu giữ số liệu đếm xe trên các tuyến đường trong phạm vi quản lý;

b) Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác chịu trách nhiệm thực hiện các nội dung sau: đếm xe trên đường bộ; báo cáo kết quả đếm xe cho cơ quan quản lý đường bộ;

4. Khi có tai nạn giao thông xảy ra, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Giao thông đường bộ.

5. Khi có sự cố công trình, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về Quản lý chất lượng công trình xây dựng và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 9. Nội dung bảo trì đường bộ

1. Công tác bảo trì đường bộ bao gồm: Bảo dưỡng thường xuyên; sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

2. Bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ là các hoạt động theo dõi, chăm sóc, sửa chữa những hư hỏng nhỏ, duy tu thiết bị lắp đặt vào công trình đường bộ, được tiến hành thường xuyên, định kỳ để duy trì công trình đường bộ ở trạng thái khai thác, sử dụng bình thường và hạn chế phát sinh các hư hỏng công trình đường bộ.

3. Sửa chữa công trình đường bộ là hoạt động khắc phục hư hỏng của công trình được phát hiện trong quá trình khai thác, sử dụng nhằm đảm bảo sự làm việc bình thường, an toàn của công trình đường bộ.

Sửa chữa công trình đường bộ bao gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất.

Sửa chữa định kỳ công trình đường bộ là hoạt động sửa chữa được thực hiện theo kế hoạch nhằm khôi phục, cải thiện tình trạng kỹ thuật của công trình đường bộ mà bảo dưỡng thường xuyên công trình không đáp ứng được, bao gồm: sửa chữa hư hỏng, thay thế bộ phận công trình, thiết bị công trình và thiết bị công nghệ hư hỏng được thực hiện định kỳ theo quy định của quy trình bảo trì công trình đường bộ.

a) Đối với đường bộ (hoặc có quy trình bảo trì riêng cho từng tuyến)

Thời hạn sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đường bộ được quy định theo loại kết cấu mặt đường và lưu lượng xe tính toán thiết kế mặt đường theo bảng dưới đây.

TT	Loại kết cấu mặt đường	Thời hạn sửa chữa vừa (năm)	Thời hạn sửa chữa lớn (năm)
1	Bê tông nhựa	4	12
2	Bê tông xi măng	8	24
3	Đá dăm trộn nhựa, đá dăm đen	3	9
4	Thấm nhập nhựa; láng nhựa 2, 3 lớp	3	6
5	Đá dăm tiêu chuẩn, cấp phối đá dăm	2	4
6	Cấp phối thiên nhiên	1	3

Thời hạn quy định sửa chữa vừa và sửa chữa lớn đường bộ được điều chỉnh bằng hệ số triết giảm phù hợp với điều kiện về thời gian sử dụng đường bộ và tăng trưởng lưu lượng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. Các hệ số này được vận dụng theo quy định tương tự hệ số (K_t), (K_l) tại các Phụ lục của Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

b) Đối với cầu đường bộ:

- Cầu tạm: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ.

- Các cầu khác: Công tác sửa chữa định kỳ phải căn cứ vào kết quả kiểm tra định kỳ, kết quả kiểm định.

4. Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ là hoạt động sửa chữa phải thực hiện bất thường khi bộ phận công trình, công trình bị hư hỏng do chịu tác động đột xuất như mưa bão, lũ lụt, động đất, va đập, cháy nổ hoặc những tác động thiên tai đột xuất khác hoặc khi có biểu hiện có thể gây hư hỏng đột biến ảnh hưởng đến an toàn sử dụng, khai thác công trình hoặc có khả năng xảy ra sự cố dẫn tới thảm họa.

Sửa chữa đột xuất được chia làm hai bước như sau:

a) Bước 1: Thực hiện sửa chữa khôi phục đường bộ khẩn cấp, đảm bảo thông xe nhanh nhất và hạn chế thiệt hại công trình đường bộ. Bước 1 được thực hiện đồng thời vừa xử lý, vừa lập hồ sơ để hoàn thiện thủ tục làm cơ sở thanh quyết toán.

b) Bước 2: Xử lý tiếp theo Bước 1, nhằm khôi phục đường bộ theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố hoặc bền vững hóa, kiên cố hóa công trình. Bước 2 được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định như đối với công trình xây dựng cơ bản.

Điều 10. Phân cấp quản lý đường bộ trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

1. Sở Giao thông vận tải: Quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, các tuyến đường khác do UBND tỉnh giao quản lý và các tuyến đường quốc lộ do Bộ Giao thông vận tải uỷ thác quản lý.

2. UBND huyện, thành phố: Quản lý, bảo trì hệ thống đường giao thông nông thôn, đường đô thị thuộc phạm vi địa bàn huyện, thành phố, xã và một số các tuyến đường tỉnh được UBND tỉnh giao quản lý bảo trì.

3. UBND cấp xã: Quản lý, bảo trì hệ thống đường giao thông nông thôn thuộc phạm vi địa bàn xã và các tuyến đường huyện được UBND huyện giao quản lý bảo trì.

Điều 11. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ

1. Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ:

Kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ do tỉnh Cao Bằng quản lý được Quỹ bảo trì đường bộ tỉnh Cao Bằng bảo đảm (gọi tắt là Quỹ). Nguồn kinh phí của Quỹ gồm:

- Nguồn thu phí sử dụng đường bộ trên đầu phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (thu từ xe ô tô - phần được phân chia cho Quỹ) và thu từ xe mô tô; các nguồn thu liên quan đến sử dụng đường bộ, nguồn đóng góp, huy động của các tổ chức, cá nhân và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

- Ngân sách Tỉnh Cao Bằng bổ sung cho Quỹ.

2. Quản lý và sử dụng nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ được thực hiện theo các quy định hiện hành về tài chính của Nhà nước.

Chương III
THỰC HIỆN CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 12. Thực hiện bảo trì đối với công trình đường bộ đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì

Đối với công trình đường bộ đang khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì, cơ quan quản lý đường bộ thực hiện các công việc sau:

1) Lập, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch xây dựng quy trình bảo trì đối với các công trình đường bộ đã đưa vào khai thác nhưng chưa có quy trình bảo trì ;

2) Khảo sát, kiểm tra và đánh giá chất lượng hiện trạng công trình đường bộ;

3) Tổ chức lập hoặc thuê tư vấn lập quy trình bảo trì công trình đường bộ, trình cơ quan có thẩm quyền để thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì;

4) Trong thời hạn chưa ban hành quy trình bảo trì, cơ quan quản lý đường bộ, nhà thầu bảo trì công trình đường bộ thực hiện bảo trì công trình theo quy định của Nghị định số 114/2010/NĐ-CP và quy định của Quy chế này.

Điều 13. Xử lý đối với công trình, bộ phận công trình đường bộ hư hỏng không bảo đảm an toàn cho khai thác, công trình hết tuổi thọ thiết kế

1. Cơ quan quản lý đường bộ khi phát hiện công trình hoặc bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn cho việc khai thác, sử dụng có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 18 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP và các quy định sau:

a) Tổ chức kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng hiện trạng công trình;

b) Chỉ đạo, kiểm tra nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình thực hiện các quy định, tại khoản 2 Điều này;

c) Tổ chức sửa chữa khắc phục hư hỏng để đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình khi sử dụng, khai thác công trình;

d) Báo cáo cơ quan cấp trên và cơ quan có thẩm quyền;

2. Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình có trách nhiệm:

a) Thường xuyên theo dõi, kiểm tra công trình và thực hiện tuần đường để kịp thời phát hiện công trình, bộ phận công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình hư hỏng, xuống cấp về chất lượng, không đảm bảo an toàn cho việc khai thác, sử dụng và báo cáo ngay với cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ;

b) Khi có hư hỏng, xuống cấp về chất lượng ảnh hưởng đến an toàn khai thác, phải thực hiện các công việc: tổ chức trực đảm bảo giao thông, điều tiết giao thông khi cần thiết; thực hiện các giải pháp nhằm khắc phục các hư hỏng để đảm bảo giao thông; trường hợp cần thiết, đề nghị cơ quan quản lý đường bộ tổ chức cắm biển hạn chế tải trọng, tốc độ phương tiện, thực hiện các biện pháp thích hợp để hạn chế hoặc tạm ngừng khai thác công trình nếu không đảm bảo an toàn;

c) Khi thực hiện các biện pháp hạn chế hoặc tạm ngừng khai thác công trình công trình đường bộ quy định tại điểm b khoản này, nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình có trách nhiệm tham gia thực hiện các biện pháp phân luồng, đảm bảo an toàn cho người và các phương tiện tham gia giao thông theo sự phân công, chỉ đạo của cơ quan quản lý đường bộ, cảnh sát giao thông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Việc báo cáo về công trình đường bộ có biểu hiện xuống cấp về chất lượng, không bảo đảm an toàn giao thông thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 18 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP.

4. Trường hợp công trình đường bộ xảy ra sự cố trong quá trình khai thác, sử dụng, việc giải quyết sự cố thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

5. Trường hợp công trình đường bộ hết tuổi thọ thiết kế nhưng có nhu cầu tiếp tục sử dụng, cơ quan quản lý đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng tổ chức thực hiện các quy định tại Điều 16 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP; báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép tiếp tục sử dụng công trình đường bộ hết tuổi thọ thiết kế theo quy định tại điểm d khoản 1, khoản 2 Điều 16 và điểm d khoản 2 Điều 26 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP.

Điều 14. Thủ tục chấp thuận tiếp tục sử dụng đối với công trình đường bộ hết tuổi thọ thiết kế

1. Việc xử lý đối với các công trình đường bộ từ cấp III trở xuống thực hiện theo quy định tại các điểm a, b và điểm c khoản 1 Điều 16 Nghị định số 114/2010/NĐ-CP.

2.Việc xử lý đối với các công trình đường bộ từ cấp II trở lên thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 24 thông tư số 52/TT-BGTVT.

Điều 15. Áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và định mức kinh tế - kỹ thuật về bảo trì và khai thác công trình đường bộ

1. Công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình đường bộ được áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn cơ sở về bảo trì công trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật.

2. Công tác sửa chữa công trình đường bộ phải áp dụng quy chuẩn quốc gia; áp dụng tiêu chuẩn kỹ thuật về sửa chữa công trình và các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật trong xây dựng công trình do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định.

3. Đối với công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình có tiêu chuẩn cơ sở hoặc quy trình bảo trì riêng, ngoài việc thực hiện các quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này còn được áp dụng tiêu chuẩn cơ sở, quy trình bảo trì riêng để bảo dưỡng, sửa chữa và bảo trì công trình, thiết bị lắp đặt vào công trình.

4. Áp dụng định mức kinh tế-kỹ thuật đối với công tác bảo trì như sau:

a) Công tác bảo trì công trình sử dụng vốn nhà nước phải áp dụng các định mức kinh tế-kỹ thuật về bảo trì do cơ quan có thẩm quyền ban hành;

b) Khuyến khích các công trình sử dụng các nguồn vốn khác áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật bảo trì quy định tại điểm a khoản này.

II. THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ

Điều 16. Phương thức thực hiện

1. Đối với đường tỉnh và đường huyện: Thực hiện theo phương thức đặt hàng hoặc đấu thầu.

2. Đối với đường giao thông nông thôn: thực hiện theo phương thức Nhà nước và Nhân dân cùng làm.

Điều 17. Lập đơn giá, dự toán và trình duyệt đơn giá, dự toán đối với đường tỉnh và đường huyện:

1. Lập dự toán: Chủ đầu tư giao cơ quan chuyên môn trực thuộc hoặc đơn vị nhận quản lý, bảo trì lập dự toán công tác bảo dưỡng thường xuyên.

Dự toán được lập trên cơ sở hư hỏng thực tế, hạn mức kinh phí được cấp, định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành (Thông tư 75/2011/TTLT-BCT-BGTVT, Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ số 3479/2001/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2001 của Bộ Giao thông vận tải, Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07: 2013/TCĐBVN của Tổng cục Đường bộ Việt Nam) hoặc các định mức kinh tế kỹ thuật hiện hành.

2. Trình duyệt dự toán:

- Chủ đầu tư trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự toán đối với các tuyến đường tỉnh và đường huyện.

Điều 18. Thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên

1. Đối với đường giao thông nông thôn: Cơ quan quản lý đường giao đường đi qua các xóm cho nhân dân tự quản lý, huy động lao động công ích hoặc lao động tự nguyện để thực hiện duy tu, sửa chữa, Nhà nước cấp tiền theo hạn mức để mua vật tư, vật liệu, chi phí khác.

Các công việc bảo dưỡng thường xuyên chủ yếu gồm: tuần đường (kiểm tra thường xuyên); sửa chữa nhỏ (ổ gà, bong bật, lún cục bộ); phát cây, cắt cỏ; thông cống, khơi rãnh khi mưa; hót đất sụt; bạt lề đường.

2. Đối với đường tỉnh và đường huyện: Thực hiện khoán theo mục tiêu công tác bảo dưỡng thường xuyên.

Chủ đầu tư tiến hành đặt hàng hoặc đấu thầu công tác bảo dưỡng thường xuyên sau khi dự toán được duyệt.

- Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng khi nghiệm thu (theo Phụ lục 3 của Quy chế này);
- Quy định về các nội dung nghiệm thu theo chất lượng thực hiện bảo dưỡng thường xuyên đường bộ (theo Phụ lục 4 của Quy chế này).

3. Nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên: Công tác nghiệm thu được tiến hành theo tháng và quý được qui định cụ thể như sau :

a. Nghiệm thu tháng: Là nghiệm thu giữa Chủ đầu tư (Ban Quản lý dự án sửa chữa đường bộ hoặc phòng chuyên môn của UBND huyện) với nhà thầu. Thành phần đoàn nghiệm thu gồm:

- Đại diện Ban quản lý dự án sửa chữa đường bộ (Hoặc cơ quan chuyên môn của huyện với các tuyến do Huyện làm Chủ đầu tư);
- Đại diện Tư vấn giám sát (nếu có);
- Đại diện Nhà thầu thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

* Mẫu biên bản nghiệm thu tháng theo phụ lục 5 của Quy chế này.

b. Nghiệm thu quý: Là nghiệm thu thanh toán giữa chủ đầu tư với Nhà thầu nhận khoán theo mục tiêu trên cơ sở đề nghị của cán bộ giám sát của Chủ đầu tư . Trước khi nghiệm thu quý, đơn vị quản lý đường phải nộp đầy đủ cho Chủ đầu tư hồ sơ nghiệm thu hai tháng đầu quý, các biên bản phải đầy đủ chữ ký theo quy định. Thành phần đoàn nghiệm thu gồm:

- Đại diện Chủ đầu tư;
- Đại diện Ban quản lý dự án sửa chữa đường bộ (Hoặc cơ quan chuyên môn của huyện với các tuyến do Huyện làm Chủ đầu tư);
- Đại diện Tư vấn giám sát (nếu có);
- Đại diện Nhà thầu thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

* Mẫu biên bản nghiệm thu quý theo phụ lục 6 của Quy chế này.

III. CÔNG TÁC SỬA CHỮA ĐỊNH KỲ ĐƯỜNG BỘ

Điều 19. Đối với công tác sửa chữa định kỳ có tổng mức đầu tư nhỏ hơn 500 triệu đồng: Chủ đầu tư tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế (nếu cần), dự toán công trình và triển khai thực hiện.

Điều 20. Đối với công tác sửa chữa định kỳ có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở lên: Chủ đầu tư tổ chức lập, trình thẩm định và phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật hoặc dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại Điều 29 Chương IV của Quy chế này.

IV. CÔNG TÁC SỬA CHỮA ĐỘT XUẤT

Điều 21. Công tác khắc phục hậu quả bão lũ

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng chống và khắc phục hậu quả lụt bão trong ngành đường bộ.

Điều 22. Khắc phục hậu quả do các nguyên nhân đột xuất khác

- Khi xảy ra thiệt hại do các nguyên nhân đột suất khác, đơn vị quản lý đường bộ phải thực hiện ngay việc khắc phục, đảm bảo giao thông một cách nhanh nhất. Trình tự, thủ tục lập tương tự như quy định về khắc phục hậu quả bão lũ bước 1 tại Điều 20, Điều 21 Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng chống và khắc phục hậu quả lụt bão trong ngành đường bộ.

- Nguồn kinh phí và quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí khắc phục hậu quả do các nguyên nhân đột xuất khác theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về phòng chống và khắc phục hậu quả lụt bão trong ngành đường bộ.

V. CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ BẢO VỆ HÀNH LANG AN TOÀN ĐƯỜNG BỘ

Điều 23. Phạm vi hành lang đường bộ.

Phạm vi hành lang an toàn đường bộ thực hiện theo quy định từ Điều 15 đến Điều 19 Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, khoản 2 Điều 1 nghị định 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Điều 24. Cắm mốc lộ giới trên hệ thống đường bộ.

1. Các cơ quan quản lý đường bộ: Thực hiện rà soát, lập hồ sơ, giao cho các nhà thầu cắm mốc lộ giới trên hệ thống đường quốc lộ ủy thác, đường tỉnh, đường huyện, đường xã ngoài khu vực quy hoạch đô thị.

Sau khi hoàn thành việc cắm mốc trên hệ thống đường quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện Chủ đầu tư tiến hành bàn giao cho UBND cấp xã để quản lý.

2. Kinh phí cắm mốc lộ giới: Sử dụng nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 25. Tổ chức giải toả vi phạm trong phạm vi đã đền bù, đất công trong hành lang an toàn đường bộ.

1. Xây dựng kế hoạch giải tỏa:

Các cơ quan quản lý nhà nước về đường bộ *(Sở Giao thông vận tải Cao Bằng, Uỷ ban nhân dân cấp huyện, Uỷ ban nhân dân cấp xã)* xây dựng kế hoạch giải tỏa cho từng tuyến đường *(sau khi cắm xong mốc lộ giới)*, nội dung kế hoạch gồm:

- Tổ chức họp triển khai;
- Tổ chức xác định phạm vi giải tỏa;
- Tuyên truyền vận động để các tổ chức, cá nhân tự tháo dỡ, di dời;
- Tổ chức lực lượng giải tỏa các trường hợp cố tình vi phạm;
- Kinh phí thực hiện.

2. Họp triển khai kế hoạch:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về đường bộ tổ chức họp với các cơ quan đơn vị để thống nhất về kế hoạch giải toả, phân rõ trách nhiệm và các bước tiến hành.

b) Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức họp với các tổ chức, cá nhân để thông báo kế hoạch giải tỏa.

3. Xác định phạm vi giải tỏa:

a) Trên cơ sở hồ sơ quản lý về đất đai trên địa bàn, Uỷ ban nhân dân cấp xã chủ trì phối hợp với các đơn vị quản lý đường bộ, phòng Công thương và các đơn vị liên quan xác định tại thực địa phạm vi đất của tổ chức, cá nhân đã được đền bù giải phóng mặt bằng hoặc đất công; lập biên bản với từng tổ chức, cá nhân về phạm vi đất, vật kiến trúc, cây cối trên đất đã đền bù giải phóng mặt bằng và đất công.

b) Vạch sơn ranh giới giải tỏa.

4. Tuyên truyền, vận động để các tổ chức, cá nhân tự giác tháo dỡ:

a) Uỷ ban nhân dân xã căn cứ vào biên bản xác định phạm vi giải tỏa thông báo cho tổ chức, cá nhân để tự tháo dỡ vật kiến trúc, cây cối và bàn giao lại phạm vi đất đã vi phạm cho chính quyền địa phương đúng theo kế hoạch để quản lý.

b) Đài phát thanh các xã; các tổ chức chính trị, đoàn thể tổ chức tuyên truyền, vận động để tổ chức, cá nhân vi phạm tự giác tháo dỡ trả lại đất công.

5. Giải tỏa vi phạm:

a) Đơn vị quản lý đường bộ thống kê danh sách tổ chức, cá nhân chưa tự giác tháo dỡ, thông báo cho UBND cấp xã để xây dựng kế hoạch giải toả.

b) UBND cấp huyện chỉ đạo xây dựng kế hoạch giải tỏa đối với tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm và tổ chức họp với các đơn vị liên quan để bố trí lực lượng, phân giao nhiệm vụ, thời gian tiến hành và tổ chức thực hiện giải tỏa vi phạm thuộc địa bàn quản lý.

6. Hoàn thiện hồ sơ quản lý và bàn giao lại cho chính quyền cấp xã quản lý:

a) Đơn vị quản lý đường bộ cập nhật đầy đủ biên bản, lập hồ sơ của các tổ chức, cá nhân vi phạm phạm vi giải toả; lập bình đồ duỗi thẳng hành lang bảo vệ của tuyến đường.

b) Đơn vị quản lý đường bộ tiến hành bàn giao 01 bộ hồ sơ của các tổ chức, cá nhân vi phạm phạm vi giải toả và phạm vi đã giải tỏa xong, bình đồ duỗi thẳng hành lang bảo vệ của tuyến đường cho UBND cấp xã quản lý.

7. Kinh phí giải tỏa: Trích từ nguồn thu phạt an toàn giao thông.

Điều 26. Quy định về giao khoán thí điểm cho Uỷ ban nhân dân cấp xã quản lý hành lang an toàn trên hệ thống đường tỉnh.

1. Nội dung giao khoán:

a) Thực hiện công tác tuần tra, kiểm tra thường xuyên để quản lý hệ thống mốc lộ giới và đất hành lang an toàn đường bộ.

b) Kịp thời phát hiện, lập biên bản và ngăn chặn những trường hợp lấn chiếm, xây dựng, cơi nới, tập kết và buôn bán vật liệu trong phạm vi đất đã đền bù giải phóng mặt bằng, đất công.

c) Tổ chức giải toả các vi phạm trong phạm vi đã đền bù giải phóng mặt bằng, đất công trong hành lang an toàn đường bộ.

2. Công tác tổ chức thực hiện, nghiệm thu, thanh toán:

a) Định kỳ 6 tháng một lần Uỷ ban nhân dân cấp xã chủ trì nghiệm thu công việc đã thực hiện theo nội dung giao khoán, mời thành phần của Sở Giao thông vận tải và phòng Công thương dự.

b) Trên cơ sở nghiệm thu, Uỷ ban nhân dân cấp xã thanh toán cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoàn thành công việc đã nhận khoán theo quy định hiện hành.

3. Kinh phí giao khoán thí điểm: Từ nguồn quỹ bảo trì đường bộ.

Chương IV
THẨM ĐỊNH VÀ PHÊ DUYỆT HỒ SƠ TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ, BẢO TRÌ ĐƯỜNG BỘ

Điều 27. Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ.

Sở giao thông vận tải có trách nhiệm tổ chức thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ.

Điều 28. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ dự toán công tác bảo dưỡng thường xuyên đường bộ.

1. Sở giao thông vận tải: Thẩm định và phê duyệt hồ sơ dự toán các tuyến đường do Sở quản lý.

2. UBND cấp huyện:

- Thẩm định và phê duyệt hồ sơ dự toán các tuyến đường do Huyện quản lý có giá trị từ 3 tỷ đồng trở xuống.

- Đối với các tuyến đường có hồ sơ dự toán giá trị trên 3 tỷ đồng: UBND Huyện thẩm định, trình Sở Giao thông vận tải Cao Bằng phê duyệt.

Điều 29. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ dự toán, thiết kế bản vẽ thi công, kế hoạch đấu thầu các công trình sửa chữa định kỳ.

1. Đối với công trình sửa chữa định kỳ có tổng mức đầu tư dưới 500 triệu đồng: Chủ đầu tư tự tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt thiết kế (nếu cần), dự toán và triển khai thực hiện.

2. Đối với công trình sửa chữa định kỳ có tổng mức đầu tư từ 500 triệu đồng đến 15 tỷ đồng:

a. Sở giao thông vận tải:

- Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch đấu thầu các công trình có giá trị từ 3 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng do UBND cấp huyện làm Chủ đầu tư, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch đấu thầu các công trình có giá trị trên 5 tỷ đồng do Sở Giao thông vận tải làm Chủ đầu tư, trình UBND tỉnh phê duyệt.

- Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch đấu thầu các công trình có giá trị dưới 5 tỷ đồng do Sở Giao thông vận tải làm Chủ đầu tư.

b. UBND cấp huyện:

Thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật và Kế hoạch đấu thầu các công trình có giá trị dưới 3 tỷ đồng do cấp huyện làm Chủ đầu tư.

3. Đối với công trình sửa chữa định kỳ có tổng mức đầu tư lớn hơn 15 tỷ đồng:

Thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

Điều 30. Thẩm định, phê duyệt hồ sơ dự toán, bản vẽ hoàn công các công trình sửa chữa đột xuất.

Chủ đầu tư thẩm định hồ sơ hoàn công trình UBND tỉnh phê duyệt.

Chương V
TRÁCH NHIỆM THI HÀNH

Điều 31. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải:

1. Thống nhất quản lý về chuyên môn nghiệp vụ trong công tác quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ;

2. Tham mưu cho UBND tỉnh xây dựng các văn bản hướng dẫn thực hiện về công tác quản lý, bảo trì đường bộ; Tổ chức thực hiện hoặc phối hợp với các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật và các văn bản pháp quy bảo trì đường bộ theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải, UBND tỉnh;

3. Hướng dẫn cấp huyện rà soát, điều chỉnh Quy hoạch Giao thông nông thôn của huyện, thiết lập và thông báo hệ thống đường bộ trên địa bàn tỉnh;

4. Chỉ đạo, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cấp huyện, xã về kiến thức nghiệp vụ, kỹ thuật duy tu, bảo dưỡng, quản lý và khai thác đường bộ;

5. Lập kế hoạch và tổng hợp kinh phí thực hiện cắm mốc lộ giới trên hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường xã gửi Sở Tài chính, Quỹ Bảo trì đường bộ;

6. Tổ chức cắm mốc lộ giới trên các tuyến đường Quốc lộ uỷ thác, đường tỉnh và bàn giao cho Uỷ ban nhân dân cấp xã làm cơ sở theo dõi, quản lý;

7. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý, lập kế hoạch và tổ chức giải tỏa vi phạm trên phạm vi đất đã đền bù giải phóng mặt bằng, đất công;

8. Lựa chọn tuyến đường tỉnh để giao khoán thí điểm cho Uỷ ban nhân dân cấp xã thực hiện quản lý hành lang an toàn đường bộ.

Điều 32. Trách nhiệm của các sở, ngành:

1. Sở Tài nguyên môi trường:

Tăng cường trách nhiệm quản lý; hướng dẫn, chỉ đạo và phối hợp với địa phương quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, không giao đất trong hành lang an toàn đường bộ cho tổ chức, cá nhân.

2. Sở Tài chính:

Tham mưu cho UBND tỉnh cân đối kinh phí để thực hiện quản lý, bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh.

3. Công an tỉnh:

Chỉ đạo lực lượng công an tại các địa phương chủ động phối hợp với chính quyền cấp huyện, cấp xã và các cơ quan liên quan để đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ, giải toả và xử lý các trường hợp vi phạm về hành lang an toàn đường bộ.

4. Sở Văn hoá, Thể thao và du lịch, Đài Phát thanh Truyền hình, Báo Cao Bằng, các Đài truyền thanh địa phương:

Theo chức năng nhiệm vụ được giao tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật và chỉ đạo của tỉnh về quản lý hành lang an toàn đường bộ.

Điều 33. Trách nhiệm của UBND cấp huyện:

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra UBND cấp xã trong việc thực hiện các quy định của nhà nước về quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ;

2. Chỉ đạo UBND cấp xã việc quản lý, sử dụng đất đai trong và ngoài phạm vi bảo vệ đường phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về bảo vệ công trình giao thông;

3. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải rà soát, điều chỉnh Quy hoạch giao thông nông thôn của huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức quản lý quy hoạch.

4. Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và chỉ đạo Uỷ ban nhân dân cấp xã tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn đường bộ.

5. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện cắm mốc lộ giới đường huyện, đường xã gửi Sở Giao thông vận tải để tổng hợp.

6. Chỉ đạo tổ chức cắm mốc lộ giới trên các tuyến đường huyện; chỉ đạo và kiểm tra Uỷ ban nhân dân cấp xã cắm mốc lộ giới đường xã và quản lý mốc lộ giới của các tuyến đường trên địa bàn.

7. Xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ thuộc thẩm quyền của Uỷ ban nhân dân cấp huyện.

8. Chỉ đạo rà soát chỉ giới giao đất cho các tổ chức, cá nhân; nghiên cứu, đề xuất xử lý đối với các trường hợp vi phạm hành lang an toàn đường bộ.

9. Chỉ đạo lập kế hoạch tổ chức giải toả các vi phạm thuộc phạm vi đất đã đền bù giải phóng mặt bằng và đất công.

Điều 34. Trách nhiệm của UBND cấp xã:

1. Tổ chức bộ máy thực hiện nhiệm vụ quản lý, khai thác, duy tu, bảo dưỡng hệ thống đường bộ do UBND cấp xã quản lý;

2. Tuyên truyền, phổ biến cho nhân dân trong việc thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý, bảo vệ đường bộ, hướng dẫn và kiểm tra nhân dân trên địa bàn xã về trách nhiệm bảo vệ đường bộ; xây dựng mô hình tự quản công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên trên các tuyến đường xã;

3. Huy động, hướng dẫn nhân dân đóng góp kinh phí, tham gia duy tu, sửa chữa và bảo vệ đường giao thông nông thôn;

4. Tổ chức, chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền, kiểm tra thường xuyên, kịp thời phát hiện và triển khai giải tỏa các vi phạm hành lang bảo vệ đường bộ thuộc xã quản lý;

5. Cấp, thu hồi giấy phép thi công đường xã quản lý;

6. Tổ chức quản lý việc sử dụng đất đai trong và ngoài phạm vi bảo vệ đường phù hợp với các quy định của pháp luật đất đai và pháp luật bảo vệ công trình giao thông;

7. Đề xuất với UBND cấp huyện về quy hoạch xây dựng đường bộ của xã;

8. Quản lý, xử lý các vi phạm theo thẩm quyền, giải quyết các tranh chấp, khiếu nại và tố cáo liên quan đến quản lý và bảo vệ công trình, hành lang đường bộ trong do UBND cấp xã theo quy định của pháp luật;

9. Lập kế hoạch và dự toán kinh phí cắm mốc lộ giới đường xã gửi UBND cấp huyện để tổng hợp.

10. Tổ chức cắm mốc lộ giới trên các tuyến đường xã; tiếp nhận và quản lý hệ thống mốc lộ giới trên các tuyến quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện đi trên địa bàn.

11. Thực hiện rà soát chỉ giới giao đất cho tổ chức, cá nhân;

Điều 35. Khen thưởng và xử lý vi phạm:

1. Tổ chức, cá nhân được khen thưởng theo quy định của Nhà nước khi có một trong những thành tích sau đây:

a, Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ quản lý, khai thác và bảo trì đường bộ;

b, Đóng góp công sức, vật chất vào việc quản lý, bảo trì đường bộ;

c, Phát hiện, tố giác và ngăn chặn hành vi xâm phạm, phá hoại đường bộ, hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép hành lang an toàn đường bộ.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định về quản lý, bảo trì đường bộ thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính về giao thông đường bộ hoặc xử lý hình sự theo quy định hiện hành.

Điều 36. Chế độ thông tin báo cáo

1. Việc báo cáo thực hiện như sau:

a) Sở giao thông vận tải, Các Chủ đầu tư báo cáo UBND tỉnh kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ định kỳ hàng quý trước ngày 22 của tháng cuối quý, hàng năm trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo;

b) Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình báo cáo Chủ đầu tư kết quả thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ định kỳ hàng quý trước ngày 10 của tháng cuối quý và hàng năm trước ngày 31 tháng 12.

2. Ngoài báo cáo định kỳ, các cơ quan, đơn vị quy định tại khoản 1 Điều này có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Nội dung báo cáo phải nêu đầy đủ các thông tin sau: tên công trình, hạng mục công trình thực hiện; khối lượng và kinh phí thực hiện; thời gian hoàn thành; những điều chỉnh, phát sinh so với kế hoạch được duyệt; đánh giá kết quả thực hiện (theo kế hoạch được duyệt); đề xuất và kiến nghị trong quá trình thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ (theo Biểu mẫu báo cáo quy định tại Phụ lục 1 của Quy chế này).

Điều 37. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các địa phương báo cáo bằng văn bản về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, trình Uỷ ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đàm Văn Eng

Phụ lục 1

MẪU BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH BẢO TRÌ CÔNG TRÌNH ĐƯỜNG BỘ

(tháng/năm)

Đơn vị thực hiện:.....

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị	Khối lượng	Kinh phí (triệu đồng)	Thời gian thực hiện	Những điều chỉnh so với kế hoạch được giao	Mức độ hoàn thành (%)

Phụ lục 2

MẪU HỢP ĐỒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cao Bằng, ngày ... tháng .... năm .....

HỢP ĐỒNG ĐẶT HÀNG

Số:……/năm/HĐ-BDTX

QUẢN Lý, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Đoạn từ Km .....đến Km .... Đường.....

NĂM …….

I. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

- Bộ luật dân sự nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 33/2005/QH11 ban hành ngày 14/06/2005;

- Luật xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26/11/2003;

- Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

- Nghị định số 114/2010/NĐ-CP ngày 23/02/2010 của Chính phủ về bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quĩ bảo trì đường bộ;

- Nghị định số 10/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 07/5/2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng;

- Nghị định 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010; Nghị định 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường

- Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về việc sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

- Thông tư số 52/2013/TT-BGTVT ngày 12/12/2013 của Bộ Giao thông vận tải qui định về quản lý, bảo trì công trình đường bộ;

- Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 23/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Thông tư số 30/2010/TT-BTC ngày 05/3/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính đối với nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa;

- Thông tư liên tịch số 75/2011/TTLT-BTC-BGTVT ngày 06/6/2011 của Liên Bộ tài chính – Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn lập và quản lý giá sản phẩm, dịch vụ công ích trong lĩnh vực đường bộ, đường thủy nội địa thực hiện theo phương thức đặt hàng, giao kế hoạch sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

- Thông tư số 09/2011/TT-BXD ngày 28/6/2011 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn mẫu Hợp đồng xây dựng;

- Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày 27/12/2012 của Liên Bộ tài chính – Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quĩ bảo trì đường bộ;

- Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07: 2013/TCĐBVN của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

- Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ số 3479/2001/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2001 của Bộ Giao thông vận tải;

- Quyết định giao Kế hoạch sửa chữa đường bộ năm .....;

- Quyết định phê duyệt Giá quản lý, bảo dưỡng thường xuyên năm .... của cơ quan có thẩm quyền;

- Quyết định của Chủ đầu tư phê duyệt lựa chọn nhà thầu đặt hàng công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên đường bộ năm .....

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG:

1/- Bên đặt hàng (Bên A):

Tên giao dịch: .....

Đại diện là: ..... Chức vụ: .....

Địa chỉ:

Tài khoản: Tại .....

Mã số thuế:

Điện thoại: ..... Fax..... Email.....

2/- Bên nhận thầu (Bên B):

Tên giao dịch: .....

Đại diện là: ..... Chức vụ: '.....

Địa chỉ: .....

Tài khoản: ..... Tại .....

Mã số thuế:

Điện thoại:

Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng đặt hàng Quản lý và bảo dưỡng thường xuyên năm ..... đoạn Km .... - Km ..... đường..... với các nội dung như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ (được định nghĩa và diễn giải) sẽ có ý nghĩa như diễn giải sau đây và được áp dụng cho **Hợp đồng** này trừ khi ngữ cảnh đòi hỏi diễn đạt từ một ý nghĩa khác:

1. "Bên đặt hàng (Bên A) Chủ đầu tư " là ..... như đã nói đến trong phần các bên tham gia hợp đồng và những người có quyền kế thừa hợp pháp của bên đặt hàng .

2. "Nhà thầu (Bên B)" là doanh nghiệp nhận đặt hàng được nêu ở phần các bên tham gia hợp đồng và những người kế thừa hợp pháp của Nhà thầu.

3. Tư vấn giám sát là tổ chức của Bên A hoặc do Bên A thuê hoặc do bên A tự thực hiện để thực hiện việc giám sát bảo dưỡng thường xuyên công trình, hạng mục công trình.

4. Tư vấn thiết kế là nhà thầu do bên A thuê thực hiện việc thiết kế sửa chữa công trình.

5. Đại diện Tư vấn giám sát là người được Nhà thầu tư vấn giám sát chỉ định làm đại diện để thực hiện các nhiệm vụ và chịu trách nhiệm trước đơn vị tư vấn giám sát.

6. "Đại diện Nhà thầu" là Ông (bà) ... (người được Nhà thầu nêu ra trong Hợp đồng hoặc được Nhà thầu chỉ định, ủy quyền bằng văn bản làm Đại diện Nhà thầu) và điều hành công việc thay mặt Nhà thầu.

7. "Nhà thầu phụ" là ..... (Tổ chức hay cá nhân ký hợp đồng với Nhà thầu để thực công tác bảo dưỡng thường xuyên sau khi được bên A chấp thuận và những người kế thừa hợp pháp).

8. "Hợp đồng" là một văn bản bao gồm các căn cứ , các điều khoản và các hồ sơ, tài liệu có liên quan mà các bên tham gia ký kết.

9. "Ngày khởi công" là ngày bắt đầu thực hiện các nhiệm vụ đã đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên đường theo khoản 1 Điều 7 Hợp đồng này.

10. "Thời hạn hoàn thành" là thời gian để hoàn thành các sản phẩn đặt hàng sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công tác bảo dưỡng thường xuyên đường theo khoản 7.2 [Thời hạn hoàn thành] bao gồm cả sự kéo dài thời gian [Gia hạn thời gian hoàn thành], được tính từ ngày khởi công.

11. "Biên bản nghiệm thu" là biên bản được phát hành theo điều 15.[Nghiệm thu của Bên A]

12. "Ngày" được hiểu là ngày dương lịch và "tháng" được hiểu là tháng dương lịch.

13. "Thiết bị Nhà thầu" là toàn bộ thiết bị máy móc, phương tiện, xe cộ và các dụng cụ khác yêu cầu phải có để nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa các hư hỏng của công trình.

14. "Công trình chính" là tuyến đường mà Nhà thầu thực hiện bảo dưỡng thường xuyên theo Hợp đồng.

15. "Hạng mục công trình" là một phần công trình chính được nêu trong hợp đồng

16. "Công trình tạm" là tất cả các công trình phục vụ bảo dưỡng thường xuyên công trình chính.

17. Công trình là kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ gồm công trình chính, công trình tạm.

18. "Tài sản nhà nước" là tài sản Nhà nước do Bên A quản lý bao gồm : Nhà hạt quản lý đường bộ, bến bãi, máy móc, phương tiện, thiết bị, vật tư phục vụ cho công tác bảo trì đường bộ.

19. "Bất khả kháng" được định nghĩa tại Điều 17.[Bất Khả kháng]

20. "Luật" là toàn bộ hệ thống luật pháp của nước Công hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

21. "Công trường" là địa điểm, phạm vi giao cho Nhà thầu để bảo dưỡng thường xuyên cũng như bất kỳ địa điểm nào khác được qui định trong hợp đồng.

22. "Thay đổi" là sự điều chỉnh phạm vi công việc, Chỉ dẫn kỹ thuật, Bản vẽ thiết kế, Giá hợp đồng hoặc Tiến độ thi công khi có sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A .

23. "Bảo dưỡng thường xuyên" là các thao tác kỹ thuật được tiến hành thường xuyên nhằm phòng ngừa và khắc phục kịp thời những hư hỏng nhỏ của các bộ phận công trình.

24. "Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền" là Bộ Giao thông vận tải, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, UBND tỉnh có trách nhiệm trong việc kiểm tra công tác đảm bảo trật tự, an toàn giao thông .

Điều 2. Các qui định chung

1. Luật và ngôn ngữ

Hợp đồng chịu sự điều tiết của hệ thống pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

Ngôn ngữ giao dịch là tiếng Việt .

2. Cầm cố, thế chấp hợp đồng

Bên B có thể dùng Hợp đồng để thế chấp tại một tổ chức tín dụng, tài chính đang hoạt động theo luật pháp Việt Nam để thực hiện bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

3. Việc bảo quản và cung cấp tài liệu

Tài liệu của Nhà thầu phải được Nhà thầu cất giữ cẩn thận.

Nhà thầu phải giữ trên văn phòng công trường một bản sao Hợp đồng và các tài liệu của hợp đồng.

Nếu một Bên phát hiện thấy lỗi hoặc sai sót về mặt kỹ thuật trong một tài liệu đã chuẩn bị để dùng bảo dưỡng thường xuyên, thì Bên đó phải thông báo ngay cho Bên kia biết những lỗi hoặc sai sót này.

4. Tuân thủ pháp luật

Nhà thầu, khi thực hiện Hợp đồng, phải tuân thủ pháp luật hiện hành của nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Nhà thầu có trách nhiệm nộp đầy đủ, đúng hạn các loại thuế, phí, lệ phí khi thực hiện hợp đồng và có các điều kiện theo qui định của pháp luật liên quan đến thi công, đảm bảo giao thông, an toàn giao thông.

Điều 3: Nội dung công việc và sản phẩm của hợp đồng gồm:

1- Tên sản phẩm, dịch vụ công ích: Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên cầu đường bộ năm ..... trên tuyến ..... đoạn Km ... - Km .....

2- Số lượng:

- Số Km đường 1 làn: dài
- Số md 25m < cầu < 300m: ... md
- Số md hộ lan: ....m;
- Số cột km: .... cột;
- Số cọc tiêu: , số biển báo.
- Các công trình khác :

- Tình trạng tuyến đường : Đường cấp ....., nền ....m, mặt …….. còn tương đối tốt. Tình trạng công trình thoát nước ……..

3- Nội dung đặt hàng: Thực hiện công tác Quản lý và bảo dưỡng thường xuyên đạt 5 yêu cầu sau:

a/ Đối với Công tác quản lý

Hạng mục	Chất lượng thực hiện
Tuần đường	Tuần đường thực hiện 1 lần/ngày. Nhiệm vụ tuần đường bao gồm: Theo dõi tổ chức giao thông, tai nạn giao thông, tình trạng công trình đường bộ; phát hiện kịp thời hư hỏng hoặc các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý; Nhiệm vụ cụ thể như sau: **I. Về đường:** **1.** Mặt đường: Kiểm tra tình trạng mặt đường như ổ gà, cao su, sình lún...ghi rõ vị trí và ước tính tỷ lệ % (hoặc m^2, m, ...) chủ yếu đối với khối lượng phát sinh. **2.** Lề đường: Những vị trí không đảm bảo bằng phẳng, cao hơn mặt đường khi mưa đọng nước gây lầy lội hoặc vật liệu, đất đá, rơm rạ, lều quán lấn chiếm làm cản trở giao thông, hạn chế tầm nhìn. **3.** Rãnh dọc: Nêu những vị trí bị lấp tắc, cây cỏ không được dọn sạch, và những hư hỏng khác làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của cống, rãnh. **4.** Công tác phát cây: Những vị trí bị cây cỏ che khuất tầm nhìn, cột Km, cọc tiêu, đầu cầu, cống, lòng sông dưới cầu... bị cỏ che lấp hoặc làm cản trở dòng chảy... cần được chặt, phát. **5.** Hệ thống an toàn giao thông (trụ tiêu, cọc H, cột Km, cột thủy chí, cột mốc lộ giới, biển báo, hộ lan tôn sóng, dải phân cách, tấm chắn sáng v.v..): số lượng bị mất, bị hư hỏng so với ngày hôm trước cần phải bổ sung những vị trí nào... **6.** Nền đường: Phản ánh các hư hỏng của nền, chú ý các vị trí sụt, sạt... **7.** Các vi phạm hành lang an toàn đường bộ (theo Nghị định

	số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010, Nghị định 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011): ghi rõ hình thức, diện tích lấn chiếm, kết cấu xây dựng, vị trí. **8.** An toàn giao thông: Khi có các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng xảy ra ngoài việc ghi vào Nhật ký tuần đường và nêu các kiến nghị sửa chữa cải tạo đường, cầu hoặc bổ sung hệ thống an toàn giao thông ... còn phải báo cáo ngay Đơn vị bảo trì đường bộ để Đơn vị bảo trì đường bộ báo Sở Giao thông vận tải ngay trong ngày. **9.** Theo dõi việc thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, nhắc nhở nhà thầu thi công bảo đảm an toàn giao thông; nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông báo cáo ngay Tuần kiểm viên để xử lý kịp thời. **10.** Mô tả tình trạng vệ sinh mặt đường: như các hiện tượng đất, cát bụi... bám trên mặt đường, tình trạng rác thải trên mặt đường và lề đường cũng như hệ thống cống, rãnh dọc và ngang. **II. Kiểm tra công trình cầu, cống, kè, ngầm, tràn:** Các công trình phải kiểm tra và ghi rõ tình trạng của các bộ phận trong kết cấu như: Dầm cầu, gối cầu, khe co giãn và các bộ phận dễ bị hư hỏng, mất mát, han rỉ ... Các bộ phận bằng đá xây, bê tông như tường … hố tụ, tường cánh, mố, mặt móng, những chỗ bị hư hỏng lún sụt, khả năng thông thoát nước ... kiến nghị sửa chữa, bổ sung ... Trường hợp cá biệt cần theo dõi một bộ phận nào đó của cầu thì Nhân viên tuần đường sẽ ghi thêm vào Nhật ký tuần đường (ví dụ: theo dõi vết nứt mới xuất hiện, sự cố sụt sạt của 1/4 mố cầu...), kiểm tra biển báo của cầu.
Lập và quản lý hồ sơ đường	- Bình đồ duỗi thẳng, trên đó thể hiện: + Các yếu tố hình học của đường (bán kính đường cong bằng $R_{bằng}$; bán kính đường cong đứng $R_{đứng}$; độ dốc ngang i_{ngang}; siêu cao $i_{siêu\ cao}$; độ dốc dọc $i_{dọc}$; chiều rộng nền, mặt đường

	$B_{nền}$, $B_{mặt}$ chiều dài đường $L_{mặt}$), loại kết cấu mặt đường (lớp trên cùng), chiều dày của lớp mặt đường trên cùng. + Các công trình kè, tường chắn đất, ngầm, tràn, … vị trí, chiều dài, kết cấu.. + Hệ thống thoát nước (cống, rãnh …): vị trí, chiều dài, kết cấu + Hệ thống báo hiệu đường bộ (cọc tiêu, biển báo …) đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có). - Sơ đồ về hệ thống mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng, mốc cao độ (hoặc mốc GPS). - Sơ đồ thể hiện các số liệu về tình trạng lấn chiếm, vi phạm hành lang an toàn đường bộ.
Lập và quản lý hồ sơ cầu	Đăng ký cầu theo mẫu "Hồ sơ lý lịch cầu" được Cục Đường bộ Việt Nam ban hành năm 2002
Đếm xe	* *Trạm đếm xe:* Lập 01 trạm đếm xe. **Thời gian đếm xe:* tháng 1 lần, mỗi lần đếm trong 3 ngày liên tục ở một trạm đếm. Đếm xe được thực hiện vào các ngày 5, 6, 7 trong tháng. Hai ngày đầu đếm 16/24h (từ 5h đến 21h), ngày thứ ba đếm 24/24h (từ 0h đến 0h) để xác định lưu lượng xe trung bình của tháng đó, tổng hợp 12 tháng lấy trung bình để có lưu lượng xe trung bình ngày đêm/năm. * *Phương pháp đếm xe:* đếm thủ công. - Đếm thủ công do con người thực hiện. Đếm trên cả 2 hướng đi về của dòng xe trên 1 mặt cắt ngang của đường. **Báo cáo:* Ngày 10 hàng tháng các trạm đếm xe gửi báo cáo kết quả đếm xe về đơn vị quản lý và sửa chữa đường bộ. Ngày 15 hàng tháng đơn vị quản lý và sửa chữa đường bộ có trách nhiệm tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả đếm xe về đơn vị quản lý bảo trì đường bộ để báo cáo về sở Giao thông vận tải.
Quản lý hành lang ATĐB và phạm vi đất của đường bộ	Lòng, lề đường thông thoáng; phối hợp với Chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan xử lý kịp thời các hành vi lấn chiếm lành lang an toàn đường bộ và phạm vi đất của đường bộ. Cập nhật số liệu sử dụng hành lang an toàn đường

	bộ.
Quản lý an toàn giao thông	- Theo dõi tình hình tai nạn giao thông , báo cáo đột xuất và tổng hợp báo cáo tai nạn theo qui định; - Kiểm tra và báo cáo kịp thời việc chấp hành các qui định về thi công trên đường đang khai thác

b/ Đối với Công tác mặt đường

Hạng mục	Chất lượng thực hiện
Mặt đường	Êm thuận, an toàn, không đọng nước.
Miếng vá	Các miếng vá phải đảm bảo: - Theo hình vuông hoặc hình chữ nhật. - Được vá bằng vật liệu phù hợp, và được sự đồng ý của chủ đầu tư về loại vật liệu, khối lượng và vị trí thi công.
Mép mặt đường	Không được bong tróc
Độ sạch	Mặt đường phải luôn được giữ vệ sinh sạch đất, cát, rác, cành cây và các chướng ngại vật khác.

c/ Đối với Công tác an toàn giao thông

Hạng mục	Chất lượng thực hiện
Biển báo	Giữ được số biển báo hiện có, không bị bẩn, dễ đọc, chắc chắn và phải quan sát được rõ vào ban đêm. Phát hiện và đề nghị thay thế, sửa chữa đối với những vị trí bị hỏng, không đủ tiêu chuẩn, thông tin không chuẩn... những vị trí thiếu. Thay thế, bổ sung, sửa chữa khi được sự nhất trí của Chủ đầu tư.
Cột Km, cột H và cọc tiêu	Phải có đầy đủ cột Km cột H và cọc tiêu, không bị bẩn, dễ đọc và chắc chắn; Cột Km, cột H được sơn; Cột tiêu quét vôi bề mặt và sơn đầu đỏ theo quy định .
Rào hộ lan	Rào hộ lan không bị bẩn, không bị hư hỏng lớn, không bị ăn mòn và phải có đủ bulông siết chặt.

d/ ***Đối với Công tác nền đường, thoát nước***

Hạng mục	Chất lượng thực hiện
Taluy đắp	Không bị xói lở.
Dọn dẹp lở đất	Phạm vi hành lang đất của đường bộ phải không có vật liệu chất đống , không bị sạt lở
Rãnh và các công trình thoát nước có lát đáy.	Phải sạch rác và lát đáy không bị hư hỏng
Rãnh và các công trình thoát nước không lát đáy.	Phải sạch rác và không vướng chướng ngại vật.
Hố thu và cống	Phải sạch rác và không vướng chướng ngại vật, không bị hỏng về kết cấu. Phải được lèn chặt bằng đất và vật liệu bao quanh.
Lề đường Taluy	Bằng phẳng, không xói lở , không đọng nước. Cây cỏ không cao quá 20 cm và không lấn ra mặt đường. Cây cỏ không cao quá 20

e/ Đối với Công tác bảo dưỡng cầu và công trình

Hạng mục	Chất lượng thực hiện
Kết cấu bằng thép hoặc bằng kim loại khác	Không bị biến dạng. Tất cả các bộ phận kim loại của toàn bộ công trình phải được sơn bảo vệ và không bị rỉ sét; thoát nước tốt.
Kết cấu bê tông	Dầm và toàn bộ các cấu kiện khác phải trong tình trạng bình thường và hoạt động đúng chức năng; thoát nước tốt.
Khe co giãn	Vệ sinh sạch sẽ và trong tình trạng bình thường
Gối cầu	Đúng vị trí, sạch sẽ, bảo dưỡng đầy đủ, làm việc bình thường,
Tường chắn	Tình trạng tường chắn cũng như thoát nước tường chắn phải đảm bảo.
Lòng sông	Dòng chảy tự do dưới cầu và cách cầu 100m về phía thượng, hạ lưu, nhà thầu phải thực hiện các biện pháp đảm bảo không xói lở quanh mố và trụ cầu.

Điều 4. Khối lượng và phạm vi công việc

Nhà thầu thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng công trình được mô tả trong Phụ lục số 1 trên cơ sở giá hợp đồng theo Điều 5 [Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán]. Các công việc thực hiện nói trên được gọi tắt là **Công việc** sẽ được thực hiện phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng và đáp ứng được yêu cầu an toàn và hiệu quả. Nhà thầu phải:

1. Cung cấp đầy đủ lao động, thiết bị và vật tư cần thiết để thực hiện quản lý, bảo dưỡng công trình đảm bảo yêu cầu như được mô tả trong Phụ lục số 1 trừ trường hợp đặc biệt sẽ được qui định cụ thể trong hợp đồng ;

2. Thiết lập các qui trình, các hệ thống quản lý, báo cáo đầy đủ nhằm kiểm soát chất lượng phục vụ của Công việc một cách chặt chẽ và cung cấp đầy đủ các thông tin để có thể đánh giá Công việc một cách độc lập;

3. Tuyển dụng, đào tạo, tổ chức, quản lý và giám sát Nhà thầu phụ và lao động trên công trường phục vụ cho Công việc, đảm bảo rằng họ được chỉ dẫn về phương pháp làm việc thích hợp và an toàn lao động;

4. Cung cấp, quản lý và qui định việc đi lại trong khu vực công trường; việc đến và đi từ công trường một cách an toàn và có trật tư đối với Nhân lực của Nhà thầu bao gồm: lao động tại hiện trường, nhân viên quản lý và giám sát, nhân viên quản lý công trường, nhân sự của các nhà cung cấp, nhà thầu phụ;

5. Phối hợp với các Nhà thầu phụ, nhà cung cấp do Nhà thầu thuê có liên quan đến Công việc và với các Nhà bản quyền công nghệ (nếu có) nhằm đảm bảo rằng tất cả các vật tư thiết bị sử dụng vào công trình đúng theo qui định của hợp đồng;

Điều 5. Giá hợp đồng, tạm ứng, thanh toán

1. Giá hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng: ..... đồng

Bằng chữ: .....

Trong đó

1.1 - Công tác quản lý + duy tu: ..... đồng *(Bằng chữ.....)*

TT	*Hạng mục công việc*	*Kinh phí Quí I*	*Kinh phí Quí II*	*Kinh phí Quí III*	*Kinh phí Quí IV*	*Tổng cộng*
01	Công tác quản lý					
02	Công tác mặt đường					
03	Công tác ATGT					
04	Công tác nền					

	đường, thoát nước					
05	Công tác bảo dưỡng cầu và công trình					
	Tổng cộng:					

1.2 - Công tác sửa chữa: ..... đồng

(Bằng chữ - có dự toán chi tiết được duyệt)

Giá Hợp đồng trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện công việc theo Hợp đồng, lợi nhuận của Nhà thầu và tất cả các loại thuế liên quan đến công việc theo quy định của pháp luật.

2. Nghiệm thu, thanh toán

2.1. Việc nghiệm thu được tiến hành theo tháng; công tác nghiệm thu thanh toán được thực hiện theo từng Qúy.

2.2. Thời hạn thanh toán

Bên A sẽ thanh toán cho Nhà thầu trong vòng 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

2.3. Hồ sơ thanh toán

- Biên bản nghiệm thu chất lượng công việc hoàn thành *(Biên bản nghiệm thu chất lượng thực hiện)* có xác nhận của đại diện Bên đặt hàng, đại diện đơn vị tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện Nhà thầu.

- Biên bản nghiệm thu chất lượng công việc hoàn thành của từng quý và của năm (khi thanh toán Quí 4).

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu có xác nhận của của đại diện Bên đặt hàng, đại diện đơn vị tư vấn giám sát (nếu có) và đại diện Nhà thầu.

4. Xử phạt khi vi phạm

Khi Nhà thầu vi phạm về chất lượng của hạng mục công việc nào tùy theo mức độ sẽ bị khấu trừ hoặc không được thanh toán kinh phí của hạng mục đó; đồng thời phải tiến hành xử lý theo qui định tại Điểm f Khoản 2 Điều 12 [Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A]

Điều 6. Phương thức thực hiện hợp đồng

Hợp đồng trọn gói (không điều chỉnh giá): Nhà thầu sẽ được thanh toán đúng theo giá trị Hợp đồng sau khi đã thực hiện công tác Bảo dưỡng thường xuyên đảm bảo đúng các yêu cầu chất lượng đã nêu tại khoản 3 Điều 3. Trường hợp Nhà thầu

không đáp ứng chất lượng thực theo yêu cầu thì tiến hành xử lý theo Khoản 4 Điều 5 [Xử lý vi phạm]

Điều 7. Tiến độ thực hiện và thời hạn hoàn thành

1. Ngày bắt đầu thực hiện

Ngày bắt đầu thực hiện: ngày ...tháng .... năm ....

2. Thời hạn hoàn thành

Nhà thầu phải hoàn thành: ngày .....

3. Tiến độ thực hiện

Nhà thầu chủ động thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình để đảm bảo chất lượng yêu cầu theo nghĩa vụ của mình trong Hợp đồng.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Nhà thầu

1. Trách nhiệm của Nhà thầu

Nhà thầu phải hoàn thành công trình theo Hợp đồng và chỉ dẫn của Bên A hoặc Tư vấn giám sát và phải đảm bảo chất lượng thực hiện trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng;

Nhà thầu phải trình kế hoạch nhân sự, máy móc thiết bị các vấn đề khác có liên quan khi thực hiện Hợp đồng;

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, ổn định và an toàn của mọi thao tác trên công trường và mọi biện pháp thi công;

Nhà thầu phải khẩn trương có mặt tại hiện trường (không chậm hơn 60 phút) để tổ chức phân luồng giao thông và phối hợp với các cơ quan liên quan tham gia cứu hộ, cứu nạn khi có sự cố ách tắc giao thông do thiên tai hoặc xảy ra tai nạn giao thông.

2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng ; Bảo lãnh tạm ứng: Không áp dụng.

3. Các quyền khác

Nhà thầu được phép chỉ định đại diện mình và uỷ quyền cho người đại diện điều hành công việc thay mặt Nhà thầu thực hiện Hợp đồng .

Trừ khi đại diện Nhà thầu được nêu tên trong Hợp đồng, trước ngày thực hiện, Nhà thầu phải nộp cho Bên A tên và thông tin về người mà Nhà thầu đề nghị làm Đại diện của Nhà thầu để xem xét và đồng ý. Nếu người này không được chấp nhận hoặc sau đó bị gạt bỏ hoặc nếu người được bổ nhiệm không đảm bảo hoạt động với tư cách là người đại diện Nhà thầu thì Nhà thầu phải trình tên và các thông tin về người đại diện khác thích hợp cho vị trí này.

Nếu không được sự đồng ý trước của Bên A (hoặc Tư vấn giám sát), Nhà thầu không được bãi nhiệm đại diện Nhà thầu hoặc bổ nhiệm người khác thay thế.

Toàn bộ thời gian của Đại diện Nhà thầu phải được dành cho việc chỉ đạo thực hiện hợp đồng của Nhà thầu. Nếu đại diện của Nhà thầu buộc phải tạm thời vắng mặt tại công trường trong thời gian bảo dưỡng thường xuyên, Nhà thầu phải cử người thay thế phù hợp với sự chấp thuận trước của Bên A.

Đại diện của Nhà thầu, thay mặt Nhà thầu, phải tiếp nhận các chỉ dẫn của Bên A theo Khoản 3 Điều 10 [Các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát]

Đại diện của Nhà thầu có thể giao nhiệm vụ và qui định rõ thẩm quyền cho bất cứ người nào có năng lực đồng thời có thể huỷ bỏ việc uỷ quyền này tại bất cứ thời điểm nào. Việc giao nhiệm vụ hoặc huỷ bỏ sẽ chỉ có hiệu lực khi Bên A nhận được thông báo trước do đại diện Nhà thầu ký, nêu rõ tên, nhiệm vụ và thẩm quyền của người được giao hoặc huỷ bỏ.

4. Nhà thầu phụ

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về mọi hành động hoặc sai sót của thầu phụ:

(a) Nhà thầu sẽ không cần có sự chấp thuận của Bên A về các nhà cung cấp vật liệu hoặc về một hợp đồng thầu phụ mà trong đó Nhà thầu phụ đã được ghi tên trong hợp đồng.

(b) Cần phải được sự chấp thuận của Bên A đối với bất kỳ nhà thầu phụ nào (chưa được nêu trong hợp đồng) được đề nghị.

(c) Nhà thầu phải gửi thông báo cho Bên A và Tư vấn giám sát không ít hơn 7 ngày trước ngày dự định bắt đầu công việc của mỗi Nhà thầu phụ.

5. Hợp tác

Nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện việc hợp tác trong công việc đối với:

(a) Cán bộ của Bên A,

(b) Các Nhà thầu khác do Bên A thuê,

(c) Các nhân viên của các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước,

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các hoạt động của mình trên công trường, và phải phối hợp các hoạt động của mình với hoạt động của các Nhà thầu khác

6. Các quy định về an toàn

Nhà thầu phải:

(a) Tuân thủ tất cả quy định an toàn lao động hiện hành;

(b) Đảm bảo an toàn cho tất cả những người được phép có mặt trên công trường;

(c) Thực hiện mọi biện pháp để đảm bảo công trường và công trình gọn gàng nhằm tránh gây nguy hiểm cho những người thực hiện bảo trì công trình cũng như cho người và phương tiện lưu thông trên công trình.

7. Tránh ảnh hưởng đến công trình và dân cư

Trong quá trình thực hiện công tác Bảo dưỡng thường xuyên Nhà thầu không được làm ảnh hưởng đến chất lượng khai thác của công trình cũng như ảnh hưởng đến sinh hoạt của dân cư nơi tuyến đường và công trình đi qua.

Nhà thầu phải bồi thường đối với các thiệt hại (bao gồm các lệ phí và chi phí pháp lý) do bất kỳ sự can thiệp không phù hợp nào gây ra đối với công trình và dân cư.

8. Thiết bị Nhà thầu

Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ thiết bị của Nhà thầu. Khi được đưa tới công trình, thiết bị của Nhà thầu phải là để dùng cho việc bảo dưỡng thường xuyên .

9. Bảo vệ Môi trường

Nhà thầu phải thực hiện các biện pháp để bảo vệ môi trường, hạn chế thiệt hại và ảnh hưởng tới con người, tài sản do ô nhiễm, tiếng ồn và các hậu quả khác từ hoạt động của Nhà thầu gây ra.

Nhà thầu phải đảm bảo khí thải, chất thải trên mặt đất và dòng thải do hoạt động của Nhà thầu không được vượt quá mức quy định của pháp luật hiện hành.

10. Nhà hạt, Thiết bị do Bên A cho thuê hoặc cho mượn (nếu có)

Nhà thầu có trách nhiệm bảo quản nhà hạt, tài sản, máy móc, thiết bị do bên A cho mượn hoặc cho thuê để thực hiện Hợp đồng đúng mục đích; không sử dụng những tài sản này để thực hiện những công việc ngoài Hợp đồng; trường hợp mất mát, hư hỏng thì nhà thầu phải bồi thường cho Bên A.

11. Hoạt động của Nhà thầu trên công trường

Nhà thầu phải giới hạn các hoạt động của mình trong phạm vi công trường được Bên A bàn giao.

Trong thời gian bảo dưỡng thường xuyên, Nhà thầu phải đảm bảo giao thông luôn được thông suốt.

Sau khi đã tiến hành nghiệm thu, Nhà thầu phải dọn sạch và đưa đi tất cả thiết bị, nguyên vật liệu thừa, phế thải xây dựng, rác rưởi và công trình tạm, đảm bảo công trình trong trạng thái sạch sẽ và an toàn.

Điều 9. Quyền, nghĩa vụ của Bên A và quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

1. Quyền của Bên A

Bên A được quyền kiểm tra thường xuyên, đột xuất để giám sát nhà thầu thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;

Bên A có quyền nhắc nhở nhà thầu đối với các hành vi vi phạm của nhà thầu

. 2. Nhân lực của Bên A

Bên A phải chịu trách nhiệm đảm bảo người của Bên A và các Nhà thầu khác của Bên A trên công trường:

(a) Hợp tác với sự nỗ lực của Nhà thầu theo Khoản 5 Điều 8 [Hợp tác]

(b) Hành động tương tự như những gì yêu cầu Nhà thầu thực hiện theo điểm (a), (b) và (c) của Khoản 6 Điều 8 [Các quy định về an toàn] và theo Khoản 9 Điều 8 [Bảo vệ môi trường]

3. Quyền của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền được quyền yêu cầu Bên A và nhà thầu thực hiện ngay các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông giải tỏa ách tắc giao thông và phân luồng giao thông khi có sự cố xảy ra đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Điều 10. Nhiệm vụ quyền hạn của Tư vấn giám sát

1. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát là Người sẽ thực hiện các nhiệm vụ do Bên A quy định cho Tư vấn giám sát trong hợp đồng. Tư vấn giám sát có thể bao gồm những cá nhân có trình độ chuyên môn phù hợp và có đủ năng lực để thực hiện những công việc này.

Tư vấn giám sát không có quyền sửa đổi hợp đồng. Tư vấn giám sát thực hiện quyền hạn được gắn với chức danh Tư vấn giám sát như đã được xác định trong hợp đồng giữa Bên A với Tư vấn giám sát. Nếu Tư vấn giám sát yêu cầu phải có sự chấp thuận của Bên A trước khi thực thi một quyền hạn được xác định cụ thể thì những yêu cầu này phải được nói rõ trong Hợp đồng. Bên A không áp đặt đối với quyền hạn của Tư vấn giám sát trừ những gì đã thỏa thuận với Nhà thầu.

Trừ khi Bên A thỏa thuận với Nhà thầu được nêu khác đi, thì:

(a) Mỗi khi thực thi nhiệm vụ hoặc thực hiện một quyền hạn đã được xác định cụ thể hoặc bao hàm trong hợp đồng, Tư vấn giám sát được xem là làm việc cho Bên A.

(b) Tư vấn giám sát không có quyền giảm bớt bất kỳ nhiệm vụ, nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào theo hợp đồng, cho một bên nào.

(c) Bất kỳ sự chấp thuận, kiểm tra, xác nhận, đồng ý, xem xét, thẩm tra, chỉ dẫn, thông báo, đề xuất, yêu cầu hoặc hành động tương tự nào của Tư vấn giám sát (bao gồm cả trường hợp không có sự phản đối) cũng không hề miễn cho Nhà thầu khỏi bất kỳ trách nhiệm nào theo hợp đồng, bao gồm cả trách nhiệm đối với các sai sót, bỏ sót, không nhất quán và không tuân thủ đúng.

2. Uỷ quyền của Tư vấn giám sát

Tư vấn giám sát có thể phân công nhiệm vụ và uỷ quyền cho một số cá nhân nhất định sau khi được sự chấp thuận của Bên A. Những cá nhân này có thể là một Tư vấn giám sát thường trú hoặc giám sát viên độc lập được chỉ định để giám sát. Sự phân công, uỷ quyền hoặc huỷ bỏ sự phân công, uỷ quyền của Tư vấn giám sát phải thể hiện bằng văn bản và chỉ có hiệu lực khi nào cả hai bên nhận được văn bản đó. Tuy nhiên, trừ khi có thoả thuận khác của hai bên, Tư vấn giám sát sẽ không uỷ quyền để quyết định bất kỳ vấn đề gì theo Khoản 5 Điều 10 [Quyết định].

Các cá nhân này phải là những người có trình độ phù hợp, đủ năng lực để thực hiện các nhiệm vụ theo uỷ quyền.

3. Chỉ dẫn của Tư vấn giám sát

Nhà thầu sẽ chỉ nhận các chỉ dẫn của Tư vấn giám sát hoặc người được uỷ quyền khi không trái với Hợp đồng hoặc những yêu cầu thay đổi đã được chấp nhận bởi Bên A.

4. Thay thế Tư vấn giám sát

Nếu Bên A có ý định thay thế Tư vấn giám sát thì không ít hơn 30 ngày trước khi dự định thay thế, Bên A phải thông báo cho Nhà thầu biết chi tiết tương ứng của Tư vấn giám sát được dự kiến thay thế. Bên A không được thay thế Tư vấn giám sát bằng một người mà Nhà thầu có ý kiến từ chối một cách có lý do bằng cách gửi thông báo cho Bên A kèm theo các chi tiết để làm các lý lẽ để giải thích.

5. Quyết định (Trường hợp Bên A không thuê tư vấn thì Khoản này áp dụng cho chính Bên A)

Những điều kiện này qui định Tư vấn giám sát (thay mặt cho Bên A) sẽ tiến hành công việc theo Khoản này để đồng ý hay quyết định một vấn đề, Tư vấn giám sát phải trao đổi ý kiến với từng bên để đạt được sự thống nhất chung. Trường hợp không đạt được sự thống nhất, Tư vấn giám sát sẽ đưa ra một quyết định khách quan phù hợp với hợp đồng, có xem xét đến những sự việc có liên quan.

Tư vấn giám sát cần thông báo cho hai bên về từng thoả thuận hay quyết định với lý lẽ của mình.

Điều 11. Nhà thầu phụ

1. Định nghĩa "Nhà thầu phụ "

Nhà thầu phụ là nhà thầu:

(a) Được nêu trong hợp đồng là một Nhà thầu phụ được chỉ định;

(b) Được Bên A chấp thuận cho Nhà thầu thuê Nhà thầu phụ;

2. Phản đối việc chỉ định nhà thầu phụ

Nhà thầu không có bất kỳ nghĩa vụ nào phải thuê một Nhà thầu phụ khi Nhà thầu nêu ra ý kiến từ chối hợp lý bằng cách thông báo cho Bên A, Tư vấn giám sát với những lý lẽ chi tiết để chứng minh. Việc phản đối được coi là hợp lý, nếu được đưa ra dựa trên bất cứ vấn đề nào được nêu ra tại đây, trừ khi Bên A đồng ý bồi thường cho Nhà thầu về những vấn đề, hoặc hậu quả từ vấn đề nảy sinh:

(a) Có lý do chứng minh rằng Nhà thầu phụ không đủ khả năng, nguồn lực hoặc sức mạnh tài chính;

(b) Hợp đồng thầu phụ không nêu ra là sẽ bồi thường cho Nhà thầu về những hậu quả từ sự thiếu thận trọng hoặc sử dụng hàng hoá không đúng mục đích, do Nhà thầu phụ, các đại lý hoặc nhân viên của Nhà thầu phụ gây ra;

(c) Hợp đồng thầu phụ không nêu ra rằng, đối với công việc của hợp đồng thầu phụ (gồm cả thiết kế nếu có) Nhà thầu phụ được sẽ:

(i) Cam kết với Nhà thầu những trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý mà sẽ giúp được Nhà thầu miễn được nghĩa vụ và trách nhiệm theo hợp đồng, và

(ii) Bồi thường cho Nhà thầu về tất cả trách nhiệm và nghĩa vụ pháp lý nảy sinh từ hợp đồng hoặc có liên quan đến hợp đồng và từ những hậu quả hoặc bất kỳ sự không thành công nào của Nhà thầu phụ trong việc thực hiện các trách nhiệm hoặc hoàn thành nghĩa vụ pháp lý đó.

3. Thanh toán cho Nhà thầu phụ

Nhà thầu sẽ thanh toán cho Nhà thầu phụ các khoản tiền mà Tư vấn giám sát xác định là phải trả theo hợp đồng thầu phụ.

Điều 12. Chấm dứt Hợp đồng

1. Thông báo sửa chữa

Nếu Nhà thầu không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng, Bên A có thể ra thông báo yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian cụ thể.

Tư vấn giám sát báo cáo Chủ đầu tư nếu nhà thầu tái phạm nhiều lần, không đáp ứng tiến độ sẽ bị chấm dứt hợp đồng.

2. Chấm dứt Hợp đồng bởi Bên A

Bên A sẽ được quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau :

(a) bỏ dở Công trình hoặc thể hiện rõ ràng ý định không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,

(b) không có lý do chính đáng mà lại không tiếp tục thực hiện theo Điều 7 [Tiến độ thi công và thời hạn hoàn thành],

(c) giao thầu phụ toàn bộ công trình hoặc chuyển nhượng Hợp đồng mà không có sự thỏa thuận theo yêu cầu,

(d) bị phá sản hoặc vỡ nợ,

(e) Bên B bị cơ quan Nhà nước nước có thẩm quyền có văn bản cảnh cáo do không đảm bảo chất lượng công tác bảo dưỡng thường xuyên đường bộ,

(f) Bên B bị Hội đồng nghiệm thu từ chối nghiệm thu từ 20% đến dưới 30% giá trị thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên của 2 Quí trong 1 năm; hoặc từ chối nghiệm thu từ 30% trở lên giá trị thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên của 1 Quí;

Khi phải chấm dứt Hợp đồng trong vòng 7 ngày Nhà thầu phải rời Công trường và chuyển các hàng hóa cần thiết và bàn giao lại các tài liệu, các hồ sơ thiết kế khác cho Bên A.

3. Chấm dứt Hợp đồng bởi Nhà thầu

Nhà thầu được quyền chấm dứt hợp đồng nếu :

(a) Nhà thầu không nhận được số tiền được thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày hoàn tất hồ sơ thanh toán,

(b) Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo Hợp đồng,

Trong bất cứ sự kiện hoặc trường hợp nào được nêu trên, Nhà thầu có thể, bằng thông báo trước 14 ngày cho Bên A để chấm dứt Hợp đồng.

4. Ngừng Công việc và di dời thiết bị Nhà thầu

Sau khi thông báo kết thúc Hợp đồng đã có hiệu lực, Nhà thầu sẽ ngay lập tức :

(a) ngừng tất cả các công việc thêm, ngoại trừ các công việc đã được Bên A hướng dẫn để bảo vệ con người và tài sản hoặc an toàn của công trình.

(b) chuyển giao toàn bộ tài liệu của Nhà thầu, thiết bị, các vật liệu và các công việc khác mà Nhà thầu đã được thanh toán, và

(c) di dời tất cả hàng hóa khỏi công trường, ngoại trừ các thứ cần thiết cho an toàn và rời khỏi công trường.

5. Thanh toán sau khi chấm dứt hợp đồng

Ngay khi thông báo chấm dứt Hợp đồng có hiệu lực, Bên A và B theo Khoản 5 Điều 10 [Quyết định] sẽ tiến hành xác định giá trị bên B đã thực hiện, thanh lý hợp đồng và thanh toán cho Nhà thầu theo qui định của Hợp đồng sau đi khấu trừ kinh phí nhà thầu phải thanh toán cho Bên A.

Sau khi thông báo chấm dứt hợp đồng theo Khoản 2 Điều 12 [Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A] có hiệu lực, Bên A có thể :

(a) Tiến hành theo Khoản 1 Điều 9 [Quyền của Bên A],

(b) Thu lại từ Nhà thầu các phí tổn do hư hỏng, mất mát mà Bên A phải chịu và các chi phí thêm khác của việc hoàn thành Công trình, sau khi tính đến bất kỳ một khoản nợ nào đối với Nhà thầu theo Khoản 5 Điều 12 [Thanh toán sau khi chấm dứt Hợp đồng]. Sau khi đã thu hồi lại từ các mất mát, hư hỏng và các chi phí thêm, Bên A sẽ thanh toán phần tiền còn lại cho Nhà thầu.

Điều 13. Các qui định về việc sử dụng lao động

1. Nhân lực Nhà thầu

Nhân lực của Nhà thầu phải có trình độ chuyên môn, kỹ năng và kinh nghiệm phù hợp. Bên A có thể yêu cầu Nhà thầu sa thải bất cứ nhân lực nào ở công trường hay công trình, kể cả đại diện của Nhà thầu nếu những người đó: có thái độ sai trái hoặc thiếu cẩn thận; thiếu năng lực hoặc bất cẩn; không tuân thủ bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng; gây phương hại đến an toàn, sức khoẻ hoặc bảo vệ môi trường. Nhà thầu phải chỉ định người khác thích hợp để thay thế. Nhà thầu phải luôn đảm bảo trật tự, an toàn cho người và tài sản trên công trường.

2. Báo cáo về nhân lực và thiết bị của Nhà thầu

Nhà thầu phải trình cho Bên A những chi tiết về số lượng của mỗi cấp bậc nhân lực của Nhà thầu và của mỗi loại thiết bị của Nhà thầu có trên công trường. Các chi tiết sẽ được báo cáo hàng quý, theo biểu mẫu mà Bên A đã quy định, cho đến khi Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các công việc được nêu trong Biên bản nghiệm thu công trình.

3. Mức lương và các điều kiện lao động

Nhà thầu phải trả mức lương và đáp ứng các điều kiện lao động, không thấp hơn so với mức lương và điều kiện lao động do Nhà nước quy định.

Nhà thầu không được sử dụng nhân viên và người lao động đang làm trong bộ máy của Bên A

4. Việc tuân thủ các qui định pháp luật về lao động

Nhà thầu phải tuân thủ tất cả các qui định của pháp luật về lao động hiện hành, bao gồm cả các qui định của pháp luật có liên quan đến việc làm, sức khỏe, an toàn, phúc lợi và những quyền lợi hợp pháp. Nhà thầu phải yêu cầu tất cả nhân lực của mình tuân thủ các qui định này.

5. Sức khỏe và an toàn lao động

Nhà thầu đảm bảo an toàn và sức khỏe cho nhân lực của Nhà thầu. Phối hợp với các cơ quan y tế địa phương về vệ sinh, phúc lợi cần thiết và phòng chống các dịch bệnh.

Nhà thầu phải gửi ngay cho Bên A các chi tiết về tai nạn sau khi xảy ra (nếu có).

6. Giám sát của Nhà thầu

Trong suốt quá trình thực hiện Hợp đồng, Nhà thầu phải bố trí cán bộ đủ năng lực để vạch kế hoạch, sắp xếp, chỉ đạo, quản lý, kiểm tra giám sát chất lượng công việc.

7. Hành vi gây rối

Nhà thầu phải luôn giữ gìn an ninh trật tự tại nơi đóng quân và trên công trường.

Điều 14. Vật liệu, Thiết bị của Nhà thầu

1. Việc cung cấp mẫu vật tư, vật liệu:

Nhà thầu phải nộp cho Bên A hoặc Tư vấn giám sát trước khi đưa vật liệu vào sử dung :

(a) Các tiêu chuẩn của nhà sản xuất vật liệu và các mẫu được nêu trong hợp đồng, tất cả chi phí do Nhà thầu chịu;

(b) Các mẫu bổ sung theo chỉ dẫn của Bên A hoặc Tư vấn giám sát như là một thay đổi.

Từng mẫu phải được gắn nhãn hiệu về xuất xứ và việc sử dụng được dự kiến trong công trình.

2. Giám định

Người của Bên A có quyền :

(a) vào tất cả các nơi trên công trường và các nơi để khai thác nguyên, vật liệu tự nhiên,

(b) kiểm tra, kiểm định, đo lường, thử các loại vật liệu, tay nghề và kiểm tra tiến trình gia công, chế tạo thiết bị, sản xuất vật liệu.

Nhà thầu phải tạo mọi điều kiện cho người của Bên A để tiến hành các hoạt động này, bao gồm cả việc cho phép ra vào, cung cấp các phương tiện, các giấy phép và thiết bị an toàn. Những hoạt động này không làm giảm đi bất cứ nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào của Nhà thầu.

6. Quyền sở hữu thiết bị và vật liệu

Mỗi danh mục thiết bị và vật liệu sẽ trở thành tài sản của Bên A, khi Nhà thầu được hưởng thanh toán cho giá trị của thiết bị và các vật liệu đó.

7. Phí, lệ phí sử dụng

Trừ khi có quy định khác trong các yêu cầu của Bên A, Nhà thầu sẽ phải trả tiền bản quyền, tiền thuê và những tiền khác cho:

(a) các vật liệu tự nhiên lấy từ bên ngoài công trường,

(b) các vật liệu thải do phá dỡ, đào bới và các vật liệu dư thừa khác (có thể là tự nhiên hay nhân tạo) trừ trường hợp có bãi thải trên công trường như được nêu cụ thể trong Hợp đồng,

(c) Phí sử dụng tài sản Nhà nước.

Điều 15. Nghiệm thu của Bên A

- Từ ngày 25 đến ngày 30 của tháng Bên A tiến hành nghiệm thu việc thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên của tháng đó của nhà thầu. Công tác

nghiệm thu căn cứ các Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng khi nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên (phụ lục 1).

- Từ ngày 24 tháng cuối Quí đến ngày 05 tháng đầu Quí sau Bên A tiến hành nghiệm thu, thanh toán việc thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên của Quí đó của nhà thầu. Đoàn kiểm tra nghiệm thu căn cứ biên bản nghiệm thu chất lượng thực hiện của hai tháng trước đó; đồng thời tiến hành kiểm tra, nghiệm thu chất lượng thực hiện công tác BDTX của tháng cuối Quí. Công tác bảo dưỡng thường xuyên sẽ được liệt kê thành các khoản cố định theo khoản Trọn gói. Thanh toán sẽ kèm theo Khấu trừ nếu các Tiêu chuẩn chất lượng thực hiện không đạt được, như quy định trong Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. Khấu trừ cho việc không tuân thủ các Tiêu chuẩn chất lượng thực hiện sẽ được áp dụng trên cơ sở hàng ngày cho cả giai đoạn mà đường không đạt được Tiêu chuẩn chất lượng thực hiện. Biên bản kiểm tra của Tư vấn giám sát là một tài liệu trong Hồ sơ nghiệm thu.

- Bên B có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết để nghiệm thu.

Điều 16. Rủi ro và Trách nhiệm

1. Bồi thường

Nhà thầu phải bồi thường cho Bên A và các nhân viên của Bên A trong các trường hợp:

(a) Tổn hại thân thể, bệnh tật, ốm đau, bệnh tật hay chết, của bất cứ người nào xảy ra trong quá trình thực hiện công tác BDTX mà nguyên nhân do lỗi của nhà thầu gây ra;

(b) Hỏng hóc hay mất mát tài sản, ở phạm vi mà những hỏng hóc hay mất mát này:

(i) Phát sinh trong quá trình tiến hành công tác BDTX,

(ii) Do vi phạm Hợp đồng bởi Nhà thầu, nhân lực của Nhà thầu, hoặc bất cứ người nào trực tiếp hay gián tiếp được Nhà thầu thuê.

2. Trách nhiệm của Nhà thầu đối với công trình

Nhà thầu sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với việc bảo vệ công trình và hàng hoá trong suốt thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng thường xuyên công trình

Nếu bất cứ việc mất mát hay hư hỏng nào xảy ra cho công trình, hàng hoá hoặc tài liệu nào của Nhà thầu trong khoảng thời gian Nhà thầu đang chịu trách nhiệm bảo đảm, Nhà thầu sẽ phải sửa những mất mát hay hư hỏng bằng chi phí của Nhà thầu, để công trình, hàng hoá và tài liệu của Nhà thầu đúng với Hợp đồng.

Nhà thầu sẽ phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ hỏng hóc hay mất mát do các hoạt động mà Nhà thầu thực hiện sau khi Biên bản nghiệm thu đã được phát hành. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm đối với bất cứ một hỏng hóc hay mất mát xảy ra sau khi Biên bản nghiệm thu đã được phát hành và cả những việc xảy ra trước đó mà Nhà thầu chịu trách nhiệm.

Điều 17. Bất khả kháng

1. Định nghĩa về Bất khả kháng

Trong Điều này, "Bất khả kháng" có nghĩa là một sự kiện hoặc trường hợp bất thường:

(a) ngoài khả năng kiểm soát của một Bên,

(b) Bên đó không có thể dự phòng một cách hợp lý trước khi ký kết Hợp đồng,

(c) đã xảy ra mà bên đó không thể tránh hay khắc phục một cách hợp lý, và

(d) thực chất không thể quy cho bên kia.

Bất khả kháng có thể gồm, nhưng không giới hạn, những sự kiện hay trường hợp bất thường thuộc các loại được liệt kê dưới đây, nếu thoả mãn các điều kiện từ (a) đến (d) ở trên:

(i) chiến tranh, tình trạng chiến tranh, sự xâm lược, hoạt động của kẻ thù nước ngoài,

(ii) nổi loạn, náo loạn, vi phạm kỷ luật, bãi công, hay bị bao vây bởi những người không phải là người của Nhà thầu và các người làm thuê khác của Nhà thầu và Nhà thầu phụ.

(iii) vũ khí đạn dược của chiến tranh, vật liệu nổ, phóng xạ ion hoặc ô nhiễm do hoạt động phóng xạ, ngoại trừ do có thể quy kết cho việc Nhà thầu sử dụng vũ khí đạn dược, chất nổ, phóng xạ và hoạt động phóng xạ, và

(iv) các thiên tai như động đất, lốc, bão, lũ hay hoạt động núi lửa.

2. Thông báo về Bất khả kháng

Nếu một bên bị hoặc sẽ bị cản trở thực hiện bất cứ nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng do tình trạng bất khả kháng, Bên đó phải gửi thông báo cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng và phải nêu rõ các nghĩa vụ, công việc đã hoặc sẽ bị cản trở. Thông báo phải được gửi trong ngày sau khi bên đó nhận biết được tình trạng về sự việc hoặc trường hợp gây nên tình trạng bất khả kháng.

3. Nghĩa vụ giảm sự chậm trễ đến thấp nhất

Mỗi bên thường xuyên phải có sự nỗ lực hợp lý để giảm thiểu sự chậm trễ trong việc thực hiện Hợp đồng do bất khả kháng.

Một bên phải gửi thông báo cho bên kia khi không còn bị ảnh hưởng bởi tình trạng bất khả kháng.

4. Các hậu quả của bất khả kháng

Nếu Nhà thầu bị cản trở thực hiện bất kỳ nhiệm vụ nào của mình theo hợp đồng do bất khả kháng mà đã thông báo theo Khoản 2 Điều 17 [Thông báo về bất khả kháng], và chịu sự chậm trễ hoặc chịu chi phí do bất khả kháng, Nhà thầu sẽ được quyền:

(a) kéo dài thời gian do sự chậm trễ như vậy, nếu việc hoàn thành bị và sẽ bị chậm trễ khi đã được Bên A chấp thuận

(b) được thanh toán các chi phí nếu sự việc hay trường hợp thuộc loại được mô tả trong phần từ (i) tới (iv) của Khoản 1 Điều 17 [Định nghĩa về bất khả kháng].

Sau khi nhận được thông báo này, Bên A phải thực hiện theo Khoản 5 Điều 10 [Quyết định] để nhất trí hay quyết định các vấn đề này trường hợp vượt quá thẩm quyền xử lý bên A có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền xem xét quyết định.

5. Bất khả kháng ảnh hưởng đến Nhà thầu phụ

Nếu bất kỳ Nhà thầu phụ nào có quyền theo Hợp đồng thì Nhà thầu phụ được hưởng như Nhà thầu chính.

6. Chấm dứt hợp đồng, thanh toán, hết trách nhiệm

Nếu việc thực hiện bảo dưỡng thường xuyên công trình đang được tiến hành bị cản trở liên tục do Bất khả kháng đã được thông báo theo Khoản 2 Điều 17 [Thông báo Bất khả kháng], thì một trong hai Bên có thể gửi thông báo chấm dứt Hợp đồng cho Bên kia. Trong trường hợp này, việc chấm dứt Hợp đồng sẽ có hiệu lực 7 ngày sau khi có thông báo và Nhà thầu phải thực hiện theo Khoản 4 Điều 12 [Ngừng công việc và di dời thiết bị của Nhà thầu].

Đối với trường hợp chấm dứt này, Bên A sẽ phải thanh toán cho Nhà thầu:

(a) các khoản thanh toán cho bất kỳ công việc nào đã được thực hiện mà giá đã được nêu trong Hợp đồng;

(b) Chi phí cho thiết bị và vật tư được đặt hàng cho công trình đã được chuyển tới cho Nhà thầu, hoặc những thứ Nhà thầu có trách nhiệm chấp nhận giao hàng: thiết bị và vật tư này sẽ trở thành tài sản (và là rủi ro) của Bên A khi đã được Bên A thanh toán, và Nhà thầu sẽ để cho Bên A tuỳ ý sử dụng;

(c) mọi chi phí hoặc trách nhiệm khác mà trong trường hợp bất khả kháng Nhà thầu phải chịu một cách hợp lý;

(d) Chi phí di chuyển các công trình tạm và thiết bị của Nhà thầu khỏi công trình và trả lại các hạng mục thiết bị này cho công trình của Nhà thầu ;

(e) Chi phí bồi thường cho đội ngũ nhân viên và các người lao động được Nhà thầu thuê cho toàn bộ thời gian liên quan đến công trình vào thời điểm chấm dứt Hợp đồng.

(g) Bất kể mọi quy định khác của Điều này, nếu một sự việc hay trường hợp ngoài khả năng kiểm soát của các Bên (bao gồm, nhưng không giới hạn chỉ ở bất khả kháng) xảy ra mà làm một hoặc hai Bên không thể hoặc không theo luật để hoàn thành nghĩa vụ theo hợp đồng của họ hoặc theo luật điều chỉnh Hợp đồng, mà các bên được quyền không phải tiếp tục thực hiện hợp đồng, trên cơ sở thông báo của bên này cho bên kia về sự việc hoặc trường hợp này thì các Bên sẽ hết nghĩa vụ tiếp tục thực hiện công việc này, mà không làm phương hại các quyền của bất kể bên nào đối với bất kỳ sự vi phạm Hợp đồng từ trước.

Điều 18. Quyết toán và thanh lý hợp đồng theo năm kế hoạch

1. Quyết toán hợp đồng

Trong vòng 30 ngày sau khi nhận được Biên bản nghiệm thu của Bên A xác nhận Nhà thầu đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của hợp đồng, Nhà thầu sẽ trình cho Bên A 7 bộ dự thảo quyết toán hợp đồng với các tài liệu trình bày chi tiết theo mẫu mà Bên A đã chấp thuận:

a) Giá trị của tất cả các công việc được làm theo đúng Hợp đồng,

b) Số tiền khác mà Nhà thầu coi là đến hạn thanh toán theo Hợp đồng hoặc các thỏa thuận khác .

Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Nhà thầu chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của dự thảo quyết toán hợp đồng, Nhà thầu sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý. Nhà thầu sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai bên đã nhất trí.

Khi trình quyết toán hợp đồng, Nhà thầu phải trình Bản thanh toán trên giấy tờ khẳng định toàn bộ Quyết toán hợp đồng thể hiện việc thanh toán đầy đủ và giải quyết xong tất cả số tiền phải trả cho Nhà thầu theo hoặc liên quan đến Hợp đồng.

2. Thanh lý hợp đồng

Sau khi quyết toán hai bên tiến hành thanh lý Hợp đồng.

Điều 19. Điều khoản chung

1. Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều đã quy định trong hợp đồng này.

2. Hợp đồng này bao gồm ... trang, và ..... Phụ lục được lập thành ... bản . Bên A sẽ giữ ... bản. Nhà thầu sẽ giữ ... bản.

3. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN B **ĐẠI DIỆN BÊN A**

Ghi chú: Tùy theo từng tuyến, đoạn tuyến mà các Chủ đầu tư có thể lược bớt một hoặc nhiều phần trong hợp đồng sao cho phù hợp.

Phụ lục 3.
YÊU CẦU KỸ THUẬT, CHẤT LƯỢNG KHI NGHIỆM THU

Hiện tại, Chính phủ đã ban hành Nghị định 10/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 tại Điều 24 quy định về Bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện như sau:

"1. Bảo trì tài sản hạ tầng đường bộ theo chất lượng thực hiện là việc Nhà nước giao khoán cho tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động bảo trì theo các tiêu chuẩn chất lượng đã được xác định trước trong một thời gian nhất định với một số tiền nhất định theo quy định tại Hợp đồng kinh tế.

2. Bảo trì theo chất lượng thực hiện áp dụng đối với hoạt động bảo dưỡng thường xuyên tài sản hạ tầng đường bộ.

Phụ lục này quy định các yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng các công việc thuộc công tác bảo dưỡng thường xuyên, phương pháp đánh giá hoặc phát hiện, thời gian cho phép để sửa chữa và những sai số cho phép.

1. Đối với công tác quản lý.

TT	*Tên công việc*	*Yêu cầu*	*Thực hiện*
01	Tuần đường	Nhiệm vụ tuần đường bao gồm: Theo dõi tổ chức giao thông, tai nạn giao thông, tình trạng công trình đường bộ; phát hiện kịp thời hư hỏng hoặc các hành vi xâm phạm công trình đường bộ, các hành vi lấn chiếm, sử dụng trái phép đất của đường bộ, hành lang an toàn đường bộ; xử lý hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý; Nhiệm vụ cụ thể như sau: **I. Về đường:** **1.** Mặt đường: Kiểm tra tình trạng mặt đường như ổ gà, cao su, sình lún...ghi rõ vị trí và ước tính tỷ lệ % (hoặc m^2, m, ...) chủ yếu đối với khối lượng phát sinh. **2.** Lề đường: Những vị trí không đảm bảo bằng phẳng, cao hơn mặt đường khi mưa	Ghi chép đầy đủ đến ngày tiến hành nghiệm thu

		đọng nước gây lầy lội hoặc vật liệu, đất đá, rơm rạ, lều quán lấn chiếm làm cản trở giao thông, hạn chế tầm nhìn. **3.** Rãnh dọc: Nêu những vị trí bị lấp tắc, cây cỏ không được dọn sạch, và những hư hỏng khác làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của cống, rãnh. **4.** Công tác phát cây: Những vị trí bị cây cỏ che khuất tầm nhìn, cột Km, cọc tiêu, đầu cầu, cống, lòng sông dưới cầu... bị cỏ che lấp hoặc làm cản trở dòng chảy... cần được chặt, phát. **5.** Hệ thống an toàn giao thông (trụ tiêu, cọc H, cột Km, cột thủy chí, cột mốc lộ giới, biển báo, hộ lan tôn sóng, dải phân cách, tấm chắn sáng v.v..): số lượng bị mất, bị hư hỏng so với ngày hôm trước cần phải bổ sung những vị trí nào... **6.** Nền đường: Phản ánh các hư hỏng của nền, chú ý các vị trí sụt, sạt... **7.** Các vi phạm hành lang an toàn đường bộ (theo Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010, Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 3/9/2013 và Thông tư số 39/2011/TT-BGTVT ngày 18/5/2011): ghi rõ hình thức, diện tích lấn chiếm, kết cấu xây dựng, vị trí. **8.** An toàn giao thông: Khi có các vụ tai nạn giao thông nghiêm trọng xảy ra ngoài việc ghi vào Nhật ký tuần đường và nêu các kiến nghị sửa chữa cải tạo đường, cầu hoặc bổ sung hệ thống an toàn giao thông ... còn phải báo cáo ngay Đơn vị bảo trì đường bộ để Đơn vị bảo trì đường bộ báo Sở Giao thông vận tải ngay trong ngày.	

		9. Theo dõi việc thi công công trình trên đường bộ đang khai thác, nhắc nhở nhà thầu thi công bảo đảm an toàn giao thông; nếu phát hiện các hành vi gây mất an toàn giao thông báo cáo ngay Tuần kiểm viên để xử lý kịp thời. **10.** Mô tả tình trạng vệ sinh mặt đường: như các hiện tượng đất, cát bụi... bám trên mặt đường, tình trạng rác thải trên mặt đường và lề đường cũng như hệ thống cống, rãnh dọc và ngang. **II. Kiểm tra công trình cầu, cống, kè, ngầm, tràn:** Các công trình phải kiểm tra và ghi rõ tình trạng của các bộ phận trong kết cấu như: Dầm cầu, gối cầu, khe co giãn và các bộ phận dễ bị hư hỏng, mất mát, han rỉ ... Các bộ phận bằng đá xây, bê tông như tường … hố tụ, tường cánh, mố, mặt móng, những chỗ bị hư hỏng lún sụt, khả năng thông thoát nước ... kiến nghị sửa chữa, bổ sung ... Trường hợp cá biệt cần theo dõi một bộ phận nào đó của cầu thì Nhân viên tuần đường sẽ ghi thêm vào Nhật ký tuần đường (ví dụ: theo dõi vết nứt mới xuất hiện, sự cố sụt sạt của 1/4 mố cầu...), kiểm tra biển báo của cầu.	
02	Lập và quản lý hồ sơ đường	- Bình đồ duỗi thẳng, trên đó thể hiện: + Các yếu tố hình học của đường (bán kính đường cong bằng $R_{bằng}$; bán kính đường cong đứng $R_{đứng}$; độ dốc ngang i_{ngang}; siêu cao $i_{siêu\ cao}$; độ dốc dọc $i_{dọc}$; chiều rộng nền, mặt đường $B_{nền}$, $B_{mặt}$ chiều dài đường $L_{mặt}$), loại kết cấu mặt đường (lớp trên cùng), chiều dày của lớp mặt đường trên cùng.	Có hồ sơ lưu trữ tại đơn vị

		+ Các công trình kè, tường chắn đất, ngầm, tràn, … vị trí, chiều dài, kết cấu.. + Hệ thống thoát nước (cống, rãnh …): vị trí, chiều dài, kết cấu + Hệ thống báo hiệu đường bộ (cọc tiêu, biển báo …) đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông (nếu có). - Sơ đồ về hệ thống Mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng, mốc cao độ (hoặc mốc GPS). - Sơ đồ thể hiện các số liệu về tình trạng lấn chiếm, vi phạm hành lang an toàn đường bộ.	
03	Lập và quản lý hồ sơ cầu	Đăng ký cầu theo mẫu "Hồ sơ lý lịch cầu" được Cục ĐBVN ban hành năm 2002	Có hồ sơ lưu trữ tại đơn vị
04	Đếm xe	* *Trạm đếm xe:* Lập 01 trạm đếm xe. **Thời gian đếm xe:* tháng 1 lần, mỗi lần đếm trong 3 ngày liên tục ở một trạm đếm. Đếm xe được thực hiện vào các ngày 5, 6, 7 trong tháng. Hai ngày đầu đếm 16/24h (từ 5h đến 21h), ngày thứ ba đếm 24/24h (từ 0h đến 0h) để xác định lưu lượng xe trung bình của tháng đó, tổng hợp 12 tháng lấy trung bình để có lưu lượng xe trung bình ngày đêm/năm. * *Phương pháp đếm xe:* đếm thủ công. - Đếm thủ công do con người thực hiện. Đếm trên cả 2 hướng đi về của dòng xe trên 1 mặt cắt ngang của đường. **Báo cáo:* Ngày 10 hàng tháng các trạm đếm xe gửi báo cáo kết quả đếm xe về đơn vị QL&SCĐB. Ngày 15 hàng tháng đơn vị QL&SCĐB có trách nhiệm tổng hợp số liệu, báo cáo kết quả	Báo cáo đầy đủ theo yêu cầu; Có hồ sơ lưu trữ tại đơn vị

		đếm xe về Ban QLDA SCĐB - Sở GTVT.	
05	Quản lý hành lang ATĐT và phạm vi đất của đường bộ	Lòng, lề đường thông thoáng; phối hợp với Chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan xử lý kịp thời các hành vi lấn chiếm lành lang an toàn đường bộ và phạm vi đất của đường bộ.	Cập nhật số liệu sử dụng hành lang an toàn đường bộ lưu trữ tại đơn vị và báo cáo đầy đủ theo yêu cầu.
06	Quản lý an toàn giao thông	- Theo dõi tình hình tai nạn giao thông , báo cáo đột xuất và tổng hợp báo cáo tai nạn theo qui định; - Kiểm tra việc chấp hành các qui định về thi công trên đường đang khai thác	Báo cáo đầy đủ theo yêu cầu; Có hồ sơ lưu trữ tại đơn vị

2. Đối với mặt đường.

Bên B phải thực hiện để đảm bảo mặt đường tương đối êm thuận, không gây cản trở giao thông (đánh giá chất lượng lượng mặt đường ở mức trung bình được điều chỉnh theo cấp đường, kết cấu mặt đường) và tùy theo tình trạng mặt đường khi bàn giao

Yêu cầu đối với mặt đường (đối với đường cấp 5, kết cấu mặt đường láng nhựa) được qui định như sau:

TT	*Tên công việc*	*Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng*	*Kiểm tra, đo đạc*	*Yêu cầu về thời gian thực hiện*
01	Vá ổ gà	(i) theo hình vuông hoặc chữ nhật, (ii) bằng với mặt đường xung quanh, (iii) bằng các vật liệu tương tự như vật liệu dùng cho mặt đường xung quanh hoặc do	- Kiểm tra bằng mắt - Dùng thước - Kiểm tra bằng mắt	Phải sửa chữa trong vòng 5 ngày sau khi Chủ đầu tư chỉ định

		chủ đầu tư chỉ định		
03	Vệ sinh mặt đường và lề đường.	Mặt đường phải luôn được giữ vệ sinh ạch rác, cành cây và các chướng ngại vật khác.	Kiểm tra bằng mắt	- Khắc phục trong vòng 1 giờ nếu gây nguy hiểm mất an toàn giao thông; trong vòng 7 ngày nếu chúng không gây nguy hiểm mất an toàn giao thông.
04	- Lún lõm, lún vệt bánh xe, - Sình lún	Không được để các chỗ lún lõm quá 50 mm. Không được quá 0,5% diện tích mặt đường	Đo bằng 2 thước (thước ngang dài 3 m; độ lún đo được là khoảng cách giữa thước ngang và điểm thấp nhất, đo bằng thước kẻ nhỏ hoặc thước nêm có vạch mm)	Các chỗ lún lõm vượt quá định mức giới hạn phải được loại bỏ trong vòng 10 ngày sau khi có ý kiến của Chủ đầu tư.

3. Đối với hệ thống biển báo và an toàn giao thông

Toàn bộ biển báo giao thông, vạch sơn trên đường cũng như rào hộ lan và các trang bị an toàn đường bộ khác phải tuân thủ Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 7887:2008 và Qui chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2012.

Yêu cầu đối với hệ thống biển báo và an toàn giao thông được qui định như sau:

TT	*Tên công việc*	*Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng*	*Kiểm tra, đo đạc*	*Yêu cầu về thời gian thực hiện*
01	Biển chỉ dẫn	Phải đầy đủ (Giữ đủ số lượng biển đã được cắm và bổ sung khi có ý kiến của Chủ đầu tư) không bị bẩn, dễ đọc và chắc chắn.	- Kiểm tra bằng mắt	Phải bổ sung hoặc thay thế trong vòng 7 ngày sau khi phát hiện hoặc được chủ đầu tư chỉ định
02	Biển báo nguy hiểm	Phải có đầy đủ (Giữ đủ số lượng biển đã được cắm và bổ sung khi có ý kiến của Chủ đầu tư), không bị bẩn, dễ đọc và chắc chắn và phải quan sát được rõ vào ban đêm	- Kiểm tra bằng mắt	Phải bổ sung hoặc thay thế trong vòng 7 ngày sau khi phát hiện hoặc được chủ đầu tư chỉ định
03	Biển hiệu lệnh	Phải có đầy đủ (Giữ đủ số lượng biển đã được cắm và bổ sung khi có ý kiến của Chủ đầu tư), không bị bẩn, dễ đọc và chắc chắn và phải quan sát được rõ vào ban đêm	- Kiểm tra bằng mắt	Phải bổ sung hoặc thay thế trong vòng 7 ngày sau khi phát hiện hoặc được chủ đầu tư chỉ định
04	Cột Km và cọc tiêu	Phải có đầy đủ cột Km, cột H và cọc tiêu, không bị bẩn, dễ đọc và chắc chắn;	Kiểm tra bằng mắt	Cột Km, cột H và cọc tiêu bị thiếu hoặc bị hỏng phải được thay thế trong vòng 7 ngày.
05	Tường hộ lan, tôn sóng	Tường hộ lan, tôn sóng phải đảm bảo an toàn, không bị bẩn, không bị ăn mòn và phải có đủ bulông siết chặt.	Kiểm tra bằng mắt	Rào hộ lan bị hỏng do tai nạn phải có biện pháp cảnh báo và báo cáo Bên A để được xem xét xử lý.

4. Đối với hệ thống thoát nước

Bên B phải thực hiện để đảm bảo toàn bộ các công trình và bộ phận thoát nước đều không bị tắc nghẽn có thể làm giảm tiết diện thoát nước bình thường và ảnh hưởng tới thoát nước

Yêu cầu đối với các công trình thoát nước được qui định như sau:

TT	*Tên công việc*	*Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng*	*Kiểm tra, đo đạc*	*Yêu cầu về thời gian thực hiện*
01	Rãnh dọc và các công trình thoát nước khác có lát đáy.	Phải sạch rác và lát đáy không bị hư hỏng về kết cấu. Phải được lèn chặt bằng đất và vật liệu bao quanh.	- Kiểm tra bằng mắt	- Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 1 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 7 ngày (đối với mùa khô) - Hư hỏng phải được sửa chữa trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.
02	Rãnh dọc và các công trình thoát nước khác không có lát đáy.	Không có vướng chướng ngại vật.	- Kiểm tra bằng mắt	- Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 1 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 7 ngày (đối với mùa khô), - Hư hỏng phải được sửa chữa trong vòng 7 ngày sau khi được phát hiện.
03	Hố thu	Phải sạch rác và không vướng chướng ngại vật, không bị hư hỏng kết cấu. Phải được lèn chặt bằng đất và vật liệu bao quanh.	- Kiểm tra bằng mắt	- Tắc nghẽn phải được khơi thông trong vòng 1 ngày sau khi phát hiện (đối với mùa mưa), 7 ngày (đối với mùa khô) - Hư hỏng phải được sửa chữa trong vòng 14 ngày sau khi được phát hiện.

5. Đối với nền đường, lề đường.

Nền đường phải đảm bảo kích thước hình học, thoát nước tốt. Cây cỏ thường xuyên được phát quang đảm bảo tầm nhìn và mỹ quan.

Yêu cầu đối với nền đường được qui định như sau:

TT	*Tên công việc*	*Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng*	*Kiểm tra, đo đạc*	*Yêu cầu về thời gian thực hiện*
01	Taluy đắp và taluy đào	Nền đường phải đảm bảo kích thước hình học và không xói lở.	- Kiểm tra bằng mắt	Phải hoàn tất sửa chữa trong vòng 7 ngày sau khi phát hiện hư hỏng
02	Dọn dẹp lở đất trong phạm vi đất của đường bộ không có vật liệu sạt lở	Không có đất, đá sạt lở	- Kiểm tra bằng mắt	- Khi vật liệu sạt lở làm tắc nghẽn giao thông, thì giao thông phải được thiết lập lại trong vòng 6 giờ. Lưu ý: Những sạt lở được phân loại là "khẩn cấp" thì áp dụng các quy định khác
03	Phát cây, cắt cỏ, tỉa cành	- Không che khuất cọc tiêu biển báo, cột Km và ảnh hưởng đến thoát nước - Ta luy dương trong phạm vi ≤ 4m cây cỏ không được cao quá 0,2m. - Ta luy âm trong phạm vi 1,0m từ vai đường trở ra và trong bụng đường cong cây cỏ không được cao quá vai đường 0,2m.	- Dùng thước	- Khi có cây đổ ngang đường phải khắc phục để đảm bảo giao thông trong thời gian 3h sau khi phát hiện.
04	- Lề đường	- Chênh lệch cao độ lề đường so với mép	- Đo bằng thước có	Phải sửa xong trong vòng 14 ngày sau khi phát hiện

		mặt đường không được vượt quá 50 mm - Lề đường có rải mặt không bị biến dạng, xói lở không có ổ gà	vạch mm - Kiểm tra bằng mắt	hư hỏng.

6. Đối với cầu và công trình

Bên B chịu trách nhiệm bảo dưỡng thường xuyên toàn bộ các cầu và công trình hoạt động theo đúng chức năng của các công trình (sơn của các công trình bằng thép, mặt đường trên công trình, có rào hộ lan, vệ sinh khe co giãn và theo dõi tình trạng gối cầu) đảm bảo an toàn và êm thuận cho người tham gia giao thông khi chạy xe với tốc độ bình thường trên các công trình.

Yêu cầu đối với cầu và các công trình được qui định như sau:

TT	*Tên công việc*	*Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng*	*Kiểm tra, đo đạc*	*Yêu cầu về thời gian thực hiện*
01	Công trình bằng thép hoặc bằng kim loại khác	Tất cả các bộ phận kim loại của toàn bộ công trình phải được sơn hoặc nếu không phải được bảo vệ và không bị xói mòn.	- Kiểm tra bằng mắt	Nhà thầu ngay lập tức phải thông báo cho Bên A khi công trình bị hư hỏng đe doạ tới tính toàn vẹn kết cấu của công trình
02	Công trình bê tông	Dầm và toàn bộ các cấu kiện khác phải trong tình trạng tốt và hoạt động đúng chức năng.	- Kiểm tra bằng mắt	Nhà thầu ngay lập tức phải thông báo cho Bên A khi công trình bị hư hỏng đe doạ tới tính toàn vẹn kết cấu của công trình.
03	Khe co giãn	Sạch rác và trong tình trạng tốt	- Kiểm tra bằng mắt	Hư hỏng và sai sót phải được sửa chữa trong vòng 7 ngày.
04	Tường chắn	Theo dõi tình trạng tường chắn cũng như thoát nước tường chắn.	Kiểm tra bằng mắt	Hư hỏng và sai sót phải được sửa chữa trong vòng 7 ngày.

		Nạo vét rãnh đỉnh		
05	Lòng sông	Phải đảm bảo dòng chảy tự do dưới cầu và duy trì tĩnh không thiết kế dưới gầm cầu. Theo dõi xói lở quanh mố và trụ cầu.	Kiểm tra bằng mắt	Các nguyên nhân dẫn đến việc không đảm bảo yêu cầu phải được thực hiện trong thời gian 14 ngày sau khi nước rút .
06	Mốc GPMB, Mốc lộ giới	Phải đầy đủ theo qui định (Nếu có)	Kiểm tra bằng mắt	Hư hỏng, mất mát phải được sửa chữa trong vòng 28 ngày.

Phụ lục 4

QUY ĐỊNH VỀ NGHIỆM THU THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN ĐƯỜNG BỘ

1- Nghiệm thu công tác bảo dưỡng thường xuyên :

1.1 - Tại văn phòng của Công ty và các Hạt quản lý đường bộ

Kiểm tra công tác lưu dữ và cập nhật số liệu trong hồ sơ, tài liệu quản lý cầu đường, quản lý hành lang an toàn đường bộ, tình hình thực hiện chế độ báo cáo, công tác đếm xe, thống kê tai nạn giao thông, công tác tuần đường .

1.2 - Tại hiện trường

Kiểm tra và nghiệm thu xác suất 10% Km đường và 25% số cầu trong phạm vi quản lý của mỗi Hạt QLĐB ; với cầu lớn >300 m, tiến hành kiểm tra từng cầu. Các Km đường và cầu được chọn là bất kì để đảm bảo tính khách quan.

Kiểm tra và nghiệm thu tổng thể toàn tuyến để đánh giá tổng quát các mục tiêu đã đặt hàng.

2- Các tiêu chí đánh giá công tác bảo dưỡng thường xuyên :

2.1- Các tiêu chí đánh giá công tác BDTX đường bộ làm cơ sở để Sở GTVT (với chức năng Chủ đầu tư) đánh giá Nhà thầu quản lý về mức độ hoàn thành những nhiệm vụ, mục tiêu, chất lượng ....công tác BDTX đường bộ và thực hiện khấu trừ kinh phí thanh toán các hạng mục công việc chưa hoàn thành và các mục tiêu chưa đạt được.

3.2 – Đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên đường (gồm cả cầu có chiều dài toàn cầu ≤ 300m)

3.2.1 – Mục tiêu về công tác quản lý (tối đa 30 điểm)

Mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (Điểm)
A/Quản lý đường		13
- Tuần đường	- Có thực hiện hàng ngày : ghi chép sổ đầy đủ, có báo cáo Hạt trưởng và được Hạt trưởng xử lý, giải quyết kịp thời.	6
- Trực ĐBGT		1
- Hồ sơ Quản lý đường	- Phân công ca trực nghiêm túc, ghi chép thông tin và báo cáo kịp thời.	3
- Báo cáo đếm xe	- Có đầy đủ hồ sơ quản lý đường và cập nhật thường xuyên, hồ sơ hoàn công đầy đủ.	1
	- Tổ chức đếm xe hàng tháng đúng vị trí, đủ số ngày, số giờ quy định ; Số liệu đếm xe trung thực ; báo cáo đúng ngày quy định.	1
- Báo cáo TNGT	- Có sổ theo dõi TNGT ; báo cáo TNGT kịp thời, đúng quy định.	1
- Báo cáo đột xuất	- Số liệu và tiến độ đáp ứng yêu cầu.	
B/-Quản lý hành lang		10
- Phát hiện vi phạm	- Phát hiện sớm, chính xác đối tượng, vị trí vi phạm.	2
- Xử lý vi phạm	- Báo cáo sớm, đầy đủ, xử lý đúng trình tự qui định. Lập biên bản kịp thời, báo cáo sớm với Chính quyền địa phương, Thanh tra Giao thông đường bộ và báo cáo hàng tháng gửi về Sở Giao thông vận tải.	3
- Hồ sơ hành lang ATĐB		2
- Quản lý Giấy phép thi công	- Đầy đủ, thường xuyên cập nhật những vi phạm.	2
	- Có sổ theo dõi thời hạn các giấy phép thi công ; thực hiện thường xuyên việc kiểm tra, đôn đốc nhà thầu thi	
- Phối hợp với địa		1

phương và TTĐB	công chấp hành các quy định đảm bảo giao thông và an toàn giao thông ; báo cáo hàng tháng về Sở Giao thông vận tải. - Tham gia họp, cung cấp số liệu vi phạm đầy đủ, chính xác cho địa phương, tham gia cưỡng chế giải tỏa và giữ gìn hành lang chống tái lấn chiếm.	
C/- Quản lý cầu - Lý lịch cầu và Hồ sơ hoàn công cầu - Kiểm tra cầu - Báo cáo định kỳ - Báo cáo đột xuất	- Có đầy đủ, số liệu trong lí lịch cầu chính xác; lưu trữ hồ sơ ngăn nắp và ở tình trạng tốt (Kiểm tra xác suất 1-2 cầu/1 Hạt) - Thực hiện đúng quy định, ghi chép vào biểu mẫu đày đủ. Nếu là cầu yếu mà thiếu phiếu kiểm tra cầu sẽ khấu trừ tối đa số điểm quản lý cầu. - Báo cáo đúng thời hạn quy định, số liệu chính xác. - Số liệu và tiến độ đáp ứng yêu cầu.	7 2 3 1 1

3.2.2 Mục tiêu về công tác mặt đường (5 điểm)

Mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (điểm)
Công tác mặt đường Vệ sinh mặt đường	Mặt đường đảm bảo vệ sinh sạch, không có cỏ rác, đất cát, vật liệu xây dựng... rơi vãi.	5 5

3.2.3 Mục tiêu và công tác an toàn giao thông (tối đa 20 điểm)

Mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (Điểm)
Công tác ATGT : + Hệ thống báo hiệu (Biển báo hiệu, cộc tiêu, vạch sơn kẻ đường, cột Km…)	- Trên thực tế hiện trường có đầy đủ rõ ràng (không bị mờ, không bị che khuất, thông tin ghi trên biển báo, cột Km chính xác).	20 6 3

+ Hệ thống thiết bị ATGT (Hộ lan tường chắn, hàng rào tôn sóng, phòng vệ mềm, hàng rào khung lưới thép…)	- Có hồ sơ quản lý đầy đủ ở Hạt, Công ty và cập nhật thường xuyên. - Trên thực tế hiện trường có đầy đủ, khi bị mất hoặc hư hỏng do phá hoại hoặc TNGT được sửa chữa, thay thế ngay trong vòng 7 ngày khi có ý kiến của Chủ đầu tư. - Có hồ sơ quản lý đầy đủ ở Hạt và Công ty - Phát hiện sớm thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng và phản ánh ban ATGT địa phương. - Kiểm tra và báo cáo kịp thời. - Tổ chức xử lý nhanh, đúng chỉ đạo. - Có sổ thống kê, theo dõi	4 2 1 2 1 1

3.2.4 Mục tiêu và công tác nền đường, thoát nước (tối đa 30 điểm)

Mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (Điểm)
Công tác nền đường		30
+ Phát cây cỏ trên mái taluy, trên lề đường (trong phạm vi qui định)	- Phát sạch đúng qui định về chiều cao và phạm vi phát cây cỏ, không còn tình trạng cánh cây che khuất tầm nhìn tại các đường cong, biển báo hiệu, cửa cống…	10
+ Lề đường	- Phụ lề (hoặc bạt lề) đảm bảo độ dốc ngang thoát nước.	4 4
+ Rãnh thoát nước (cả rãnh đỉnh)	- Không có tình trạng nước ứ đọng trên lề đường hoặc trên mặt đường (nguyên nhân do lề đường cao) - Đảm bảo tiết diện thoát nước bình thường, không ứ đọng đất cát và nước trong rãnh, trong các hố ga và của hàm ếch. - Với rãnh có nắp đậy : đảm bảo nếu số	6 2 4

	lượng tấm đan bị vỡ, mất phải được thay thế ngay sau khi có ý kiến của Chủ đầu tư - Không xảy ra tình trạng sạt taluy âm nền đường (hoặc nước chảy qua đường) sau khi mưa xong mà nguyên nhân do rãnh dọc bị lấp tắc không được khơi nước kịp thời trong và sau khi mưa.	

3.2.5 Mục tiêu về công tác sửa chữa công trình (tối đa 15 điểm)

Mục	Mức độ đáp ứng	Đánh giá (điểm)
Công tác công trình		15
+ Đối với các cầu	- Đảm bảo các hư hỏng nhỏ của tứ nón, mố trụ, kết cấu nhịp được sửa chữa kịp thời.	1
	- Mặt cầu không có ổ gà, sạch, vạch sơn, biển báo hiệu đầy đủ.	1
	- Các bu lông giữ khe co dãn bằng cao su bản thép của cầu được bắt chặt thường xuyên, có nắp đậy đầy đủ. Bổ sung kịp thời bằng BTN nguội tại các chỗ nứt vỡ trên mặt cầu. Khe co dãn bằng bản tôn trượt hàn kịp thời các đường hàn bị nứt.	1
	- Mặt cầu, đỉnh mố trụ cầu, khe hở của khe co dãn cầu được vệ sinh thường xuyên không tồn đọng nước và đất cát.	1 1 1
+ Đối với các cống	- Các lỗ thoát nước trên cầu đảm bảo được vệ sinh nạo vét và có đầy đủ nắp đậy, các ống hỏng được thay thế kịp thời.	2 2
	- Dòng chảy thượng, hạ lưu cầu thông thoát.	2

+ Kè, tường chắn	- Đảm bảo thoát nước bình thường. - Hố thu, cửa cống thượng hạ lưu sạch cỏ cây, không ứ đọng đất cát. - Các hư hỏng nhỏ được sửa chữa kịp thời. - Dòng chảy thượng hạ lưu cống thông thoát. - Các hư hỏng nhỏ được sửa chữa kịp thời (đặc biệt khu vực chân kè). Cây cỏ khu vực kè được phát quang. - Không có dòng chảy (trên mặt đường, lề đường) hướng về vị trí kè, tường chắn.	1 1

4 – Cách xác định khấu trừ kinh phí công tác bảo dưỡng thường xuyên đường bộ và hình thức xử lý :

4.1 Tất cả các tiêu chí đánh giá bằng điểm, các thành viên Hội đồng nghiệm thu của Bên A cho điểm và tiến hành bỏ phiếu kín.

- Thành phần hội đồng nghiệm thu tháng và nghiệm thu thanh toán theo Quí :

+ Bên A : Đại diện Ban Quản lý dự án sửa chữa đường bộ Sở Giao thông vận tải (hoặc cơ quan chuyên môn của huyện); Đại diện giám sát của chủ đầu tư (nếu có).

+ Bên B : Đại diện lãnh đạo của nhà thầu, Đội trưởng (Hạt trưởng) thi công trực tiếp.

- Thành phần hội đồng nghiệm thu thanh toán theo Quí :

+ Bên A : Đại diện Chủ đầu tư (Sở Giao thông vận tải hoặc UBND huyện) Đại diện Ban Quản lý dự án sửa chữa đường bộ Sở Giao thông vận tải (Hoặc cơ quan chuyên môn của huyện); Đại diện giám sát của chủ đầu tư (nếu có).

+ Bên B : Đại diện lãnh đạo của nhà thầu; Đội trưởng (Hạt trưởng) thi công trực tiếp.

- Chủ đầu tư tiến hành kiểm tra khi cần thiết;

4.1.1 Nếu các Đơn vị đạt được mức điểm từ 96% đến 100 % số điểm tối đa của tất cả các mục tiêu, tương ứng giá trị được thanh toán 100% kinh phí dự toán duyệt.

4.1.2 Nếu các mục tiêu được đánh giá gộp lại không đạt đủ số điểm tối đa, tùy theo tổng só điểm đạt được, giá trị thanh toán sẽ bị khấu trừ theo tỉ lệ % theo kinh phí đặt hàng.

4.1.3 Nếu tổng số điểm đạt được dưới 70% số điểm tối đa, Hội đồng nghiệm thu sẽ không nghiệm thu thanh toán

Tỉ lệ khấu trừ như sau :

Mục	**Tổng số điểm đạt được của các mục tiêu**	**Tỷ lệ % khấu trừ kinh phí**
BDTX đường (gồm cả cầu L<300m)	Từ 90% đến 95 % điểm tối đa	5%
	Từ 85% đến dưới 90 % điểm tối đa	15%
	Từ 80% đến dưới 85 % điểm tối đa	20%
	Từ 70% đến dưới 80 % điểm tối đa	30%
	Dưới 70% điểm tối đa	Không nghiệm thu

4.2 Phần kinh phí công tác Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ khấu trừ của Đơn vị hàng tháng sẽ được Sở Giao thông vận tải, Chủ đầu tư nhập vào nguồn kinh phí dự phòng để phục vụ các yêu cầu sửa chữa phát sinh, đột xuất, xử lý an toàn giao thông....

Phụ lục 5

MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU THÁNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày .... tháng .... năm ...

BIÊN BẢN NGHIỆM THU CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN

QUẢN LÍ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ THÁNG /NĂM

Đoạn từ Km .... đến Km ..... đường.....

Căn cứ Thông tư liên tịch số 230/2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày .....của Liên Bộ tài chính – Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quĩ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07: 2013/TCĐBVN của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ số 3479/2001/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2001 của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Hợp đồng đặt hàng Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ số ..../năm/HĐ-BDTX ngày .. tháng.... năm giữa Chủ đầu tư..... với .....;

Từ ngày... đến ngày...../...../..... Hội đồng nghiệm thu công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã tiến hành nghiệm thu công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đoạn từ Km ..... đến Km ..... đường tháng .. năm ..... với nội dung như sau:

I/ Thành phần Hội đồng nghiệm thu:

1- Đại diện Ban quản lý dự án sửa chữa đường bộ (Hoặc cơ quan chuyên môn của huyện):

- Ông ..... Chức vụ.....
- Ông ..... Chức vụ.....

2- Đại diện Tư vấn giám sát (nếu có)

- Ông ..... Chức vụ.....
- Ông ..... Chức vụ.....

- Ông ..... Chức vụ.....

3- Đại diện Nhà thầu thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên

- Ông ..... Chức vụ.....

- Ông ..... Chức vụ.....

Sau khi kiểm tra nội nghiệp, nghiệm thu thực tế toàn tuyến và nghiệm thu chi tiết một số đoạn đường, cầu, cống, công trình,.... Đối chiếu với các yêu cầu về mục tiêu chất lượng đã được ký kết. Hội đồng thống nhất nghiệm thu như sau:

1/ Đánh giá chung:

.....

.....

.....

2/ Điểm đánh giá trong tháng

TT	Hạng mục công việc	Điểm tối đa	Điểm thực hiện	Ghi chú
01	Công tác quản lý	30		
02	Công tác mặt đường	5		
03	Công tác ATGT	20		
04	Công tác nền đường, thoát nước	30		
05	Công tác bảo dưỡng cầu và công trình	15		
	Tổng số	100		

3/ Một số lưu ý:

.....

.....

.....

.....

Các thành viên Hội đồng nghiệm thu nhất trí thông qua. Biên bản này được lập thành 6 bản. Bên A: 3 bản, Bên B: 3 bản ./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU SCĐB **TƯ VẤN GIÁM SÁT** **BAN QLDA**

Phụ lục 6

MẪU BIÊN BẢN NGHIỆM THU QUÝ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày …. tháng …. năm 201...

BIÊN BẢN NGHIỆM THU THANH TOÁN

QUẢN LÍ, BẢO DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ QUÍ .../năm

Đoạn từ Km.... đến Km ..... đường.....

Căn cứ Thông tư liên tịch số ..... /2012/TTLT-BTC-BGTVT ngày .....của Liên Bộ tài chính – Bộ Giao thông vận tải Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán Quĩ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07: 2013/TCĐBVN của Tổng cục Đường bộ Việt Nam;

Căn cứ Định mức bảo dưỡng thường xuyên đường bộ số 3479/2001/QĐ-BGTVT ngày 18/10/2001 của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Hợp đồng đặt hàng Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ số ..../20.../HĐ-BDTX ngày .. tháng.... năm giữa (Chủ đầu tư) với (Đơn vị quản lý đường bộ).....;

Căn cứ các Biên bản nghiệm thu tháng.....và tháng ... năm ....

Từ ngày... đến ngày...../...../..... Hội đồng nghiệm thu thanh toán công tác Quản lý, bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đã tiến hành nghiệm thu công tác quản lý bảo dưỡng thường xuyên đoạn từ .....đến ..... quý .... năm ... với nội dung như sau:

I/ Thành phần Hội đồng nghiệm thu:

1- Đại diện Chủ đầu tư

- Ông ..... Chức vụ.....
- Ông ..... Chức vụ.....

2- Đại diện Ban quản lý dự án sửa chữa đường bộ (Cơ quan chuyên môn của huyện):

- Ông ..... Chức vụ.....

- Ông ..... Chức vụ.....

3- Đại diện Tư vấn giám sát (nếu có)

- Ông ..... Chức vụ.....
- Ông ..... Chức vụ.....

4- Đại diện Nhà thầu thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên

- Ông ..... Chức vụ.....
- Ông ..... Chức vụ.....

Sau khi kiểm tra nội nghiệp, nghiệm thu thực tế toàn tuyến và nghiệm thu chi tiết một số đoạn đường, cầu, cống, công trình,....; Tổng hợp kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên các tháng 1 và tháng 2; Đối chiếu với các yêu cầu về mục tiêu chất lượng đã được ký kết. Hội đồng thống nhất nghiệm thu như sau:

1/ Đánh giá chung:

.....

.....

.....

.....

.....

2/ Điểm đánh giá trong Quí

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Kinh phí tối đa	Điểm bình quân 3 tháng	Kinh phí thanh toán	Ghi chú
01	Công tác quản lý					
02	Công tác mặt đường					
03	Công tác ATGT					
04	Công tác nền đường, thoát nước					
05	Công tác bảo					

	dưỡng cầu và công trình					

Các thành viên Hội đồng nghiệm thu nhất trí thông qua. Biên bản này được lập thành 6 bản. Bên A: 3 bản, Bên B: 3 bản ./.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU **TƯ VẤN GIÁM SÁT**

BAN QLDA SCĐB TẢI
(Cơ quan chuyên môn của huyện)

SỞ GIAO THÔNG VẬN
(Chủ đầu tư)